

Chu chuyển vốn quốc tế



International Finance - 2015

NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG:

- Tìm hiểu về cán cân thanh toán – thước đo của chu chuyển tiền tệ quốc tế.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến các tài khoản của cán cân thanh toán
- Tìm hiểu các tổ chức giám sát giao dịch quốc tế



CÁN CÂN THANH TOÁN

Cán cân thanh toán (*Balance of Payment - BoP*) là 1 báo cáo thống kê tổng hợp, đo lường tất cả các giao dịch giữa cư dân trong nước và cư dân nước ngoài qua một thời kỳ quy định.



CÁN CÂN THANH TOÁN

Những giao dịch này có thể được tiến hành bởi các cá nhân, các doanh nghiệp cư trú trong nước hay chính phủ của quốc gia đó. Đối tượng giao dịch bao gồm các loại **hàng hóa, dịch vụ, tài sản thực, tài sản tài chính, và một số chuyển khoản.**

Thời kỳ xem xét có thể là **một tháng, một quý, song thường là một năm.**

CÁN CÂN THANH TOÁN

Người cư trú: cá nhân, tổ chức đáp ứng 2 tiêu chí:-
thời hạn cư trú; - Có nguồn thu nhập từ quốc gia cư trú

Chú ý:

--Quốc tịch và người cư trú

--Các tổ chức quốc tế là người không cư trú

--Đại sứ quán, lưu học sinh, khách du lịch là người không cư trú đối với nước đến

--chi nhánh của các MNC là người cư trú tại nước đặt chi nhánh

CÁN CÂN THANH TOÁN

- Việc ghi nhận các giao dịch được thực hiện qua **bút toán kép** : mỗi giao dịch được ghi vào sổ hai lần trên tư cách là **một khoản có** và **một khoản nợ**.
- Như vậy, trên tổng thể tổng các khoản có và tổng các khoản nợ sẽ **bằng nhau** đối với một cán cân thanh toán của một quốc gia; tuy nhiên đối với một phần nào của báo cáo cán cân thanh toán, có thể có vị thế **thâm hụt** hay **thặng dư**.



- ❖ **Tài khoản vãng lai**
- ❖ **Tài khoản tài chính**
- ❖ **Sai số**
- ❖ **Dự trữ ngoại hối**

Cấu trúc cán cân thanh toán quốc tế

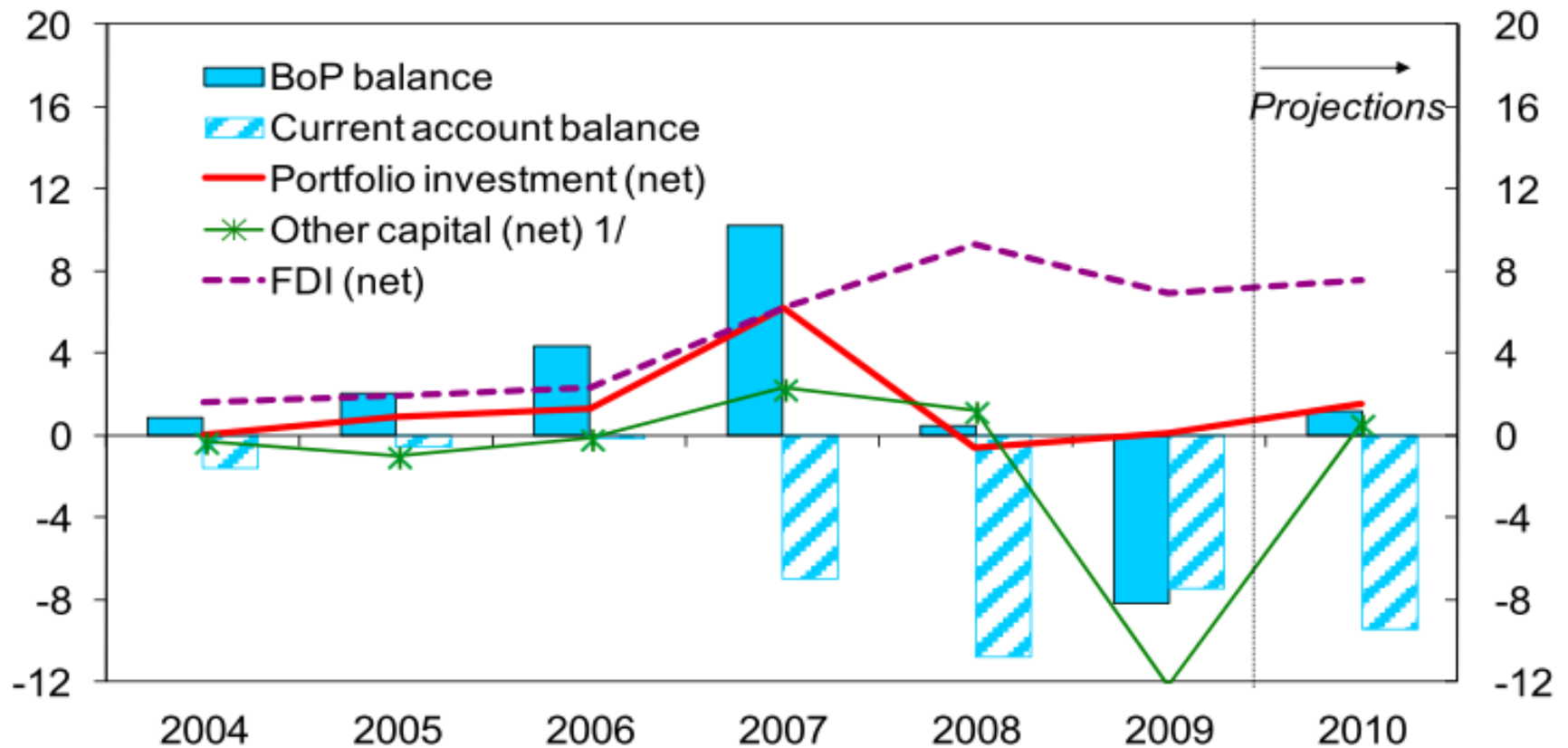


Hai khoản
mục chính

A. Tài khoản vãng lai (current account) 1. Xuất nhập khẩu thuần về hàng hóa (cán cân mậu dịch) 2. Xuất nhập khẩu thuần về dịch vụ 3. Thu nhập thuần (thu nhập từ đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư gián tiếp nước ngoài cộng với tiền lương của người lao động ở nước ngoài) 4. Chuyển giao thuần (tổng các khoản cho, biếu tặng, viện trợ từ những người di cư ra nước ngoài)	A (1-4) = Cán cân tài khoản vãng lai
B. Tài khoản vốn (capital account) Các giao dịch vốn liên quan đến việc mua bán tài sản cố định chẳng hạn như bất động sản.	
C. Tài khoản tài chính (financial account) 1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài thuần 2. Đầu tư gián tiếp nước ngoài thuần 3. Các khoản mục tài chính khác	A + B + C = Cân bằng cơ bản
D. Sai số thống kê Các dữ liệu không thống kê được hoặc các khoản mục bị bỏ sót chẳng hạn như các giao dịch bất hợp pháp, rửa tiền v.v.	A + B + C + D = Cân bằng tổng thể
E. Dự trữ ngoại hối Đo lường sự thay đổi trong dự trữ của một quốc gia bao gồm vàng, ngoại tệ và vị thế tài khoản đối với IMF ¹	

Vietnam: Balance of Payments, 2004–10

(In billions of U.S. dollars)



Sources: Authorities' data; and IMF staff estimates.

1/ Includes errors and omissions.

TÀI KHOẢN VĨNG LẠI

Tài khoản vãng lai (current account) là thước đo rộng nhất của mậu dịch quốc tế về hàng hoá và dịch vụ của một quốc gia.

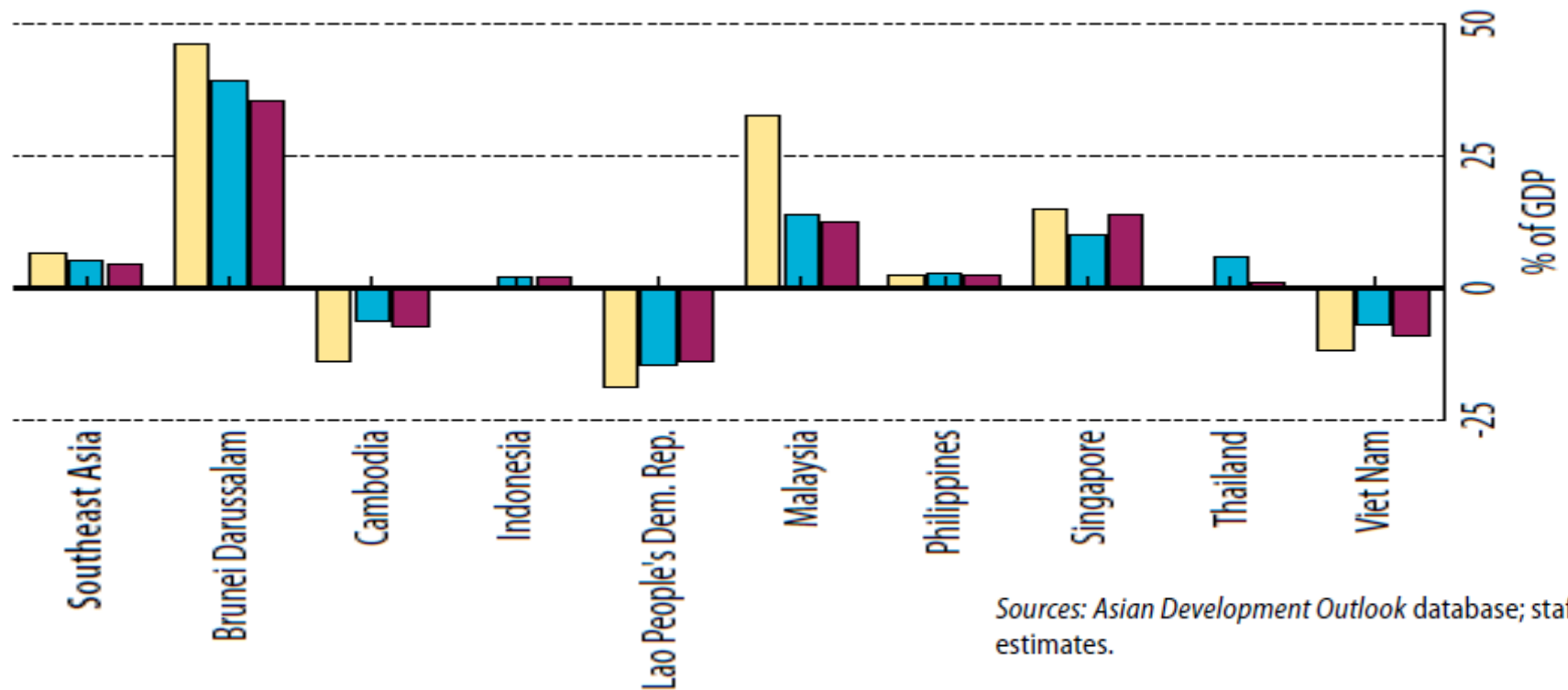
Thành phần chủ yếu của tài khoản vãng lai là:

- Cán cân mậu dịch (trade balance)
- Cán cân dịch vụ
- Cán cân thu nhập
- Cán cân chuyển giao vãng lai một chiều

TÀI KHOẢN VẮNG LẠI

3.1.12 Current account balance, Southeast Asia

2008 2009 2010



Sources: Asian Development Outlook database; staff estimates.

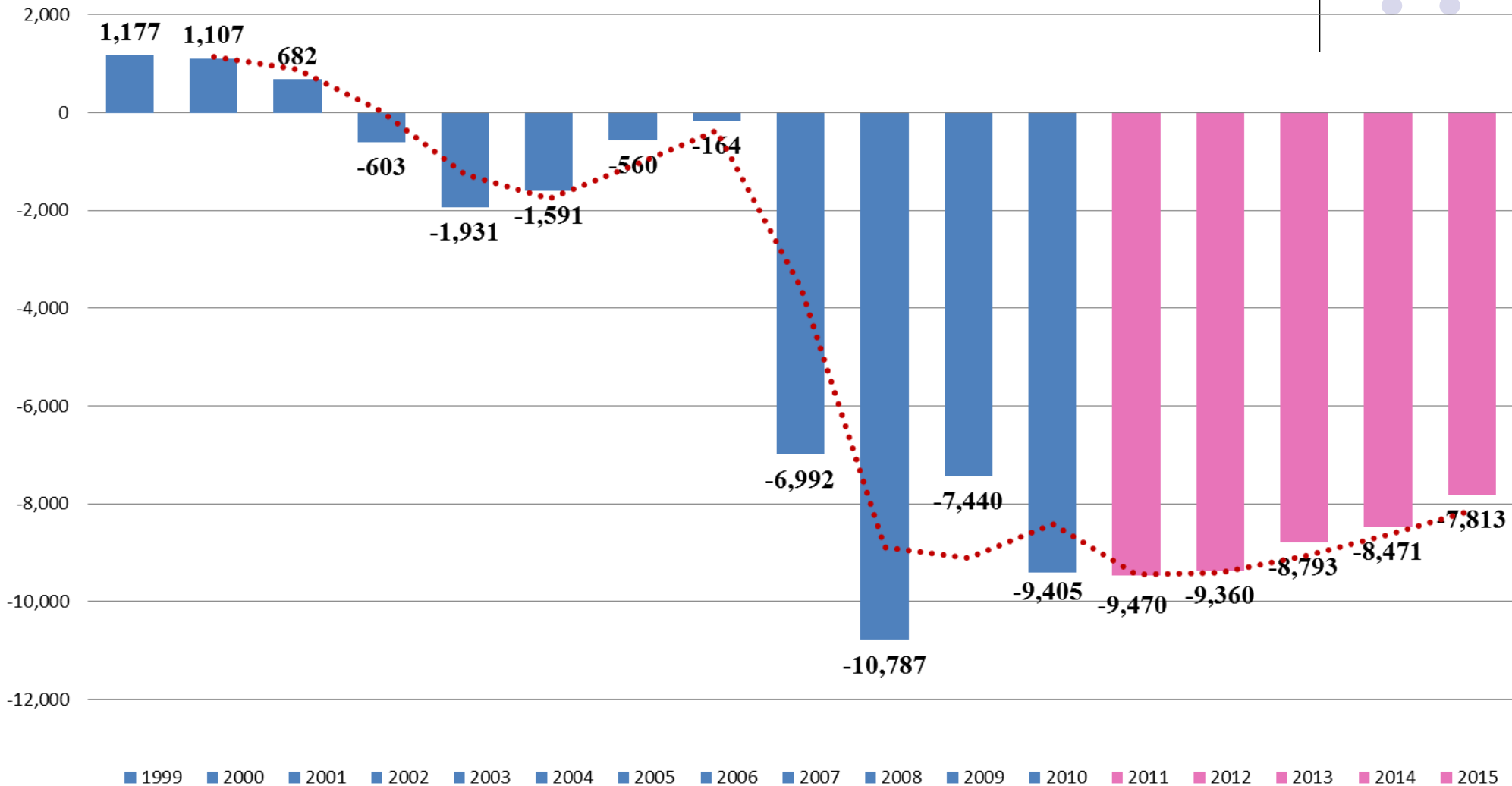
TÀI KHOẢN VĨNG LẠI

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
(In millions of U.S. dollars)				Est.	Proj.	Proj.	Proj.	Proj.	Proj.	Proj.
Current account balance	-164	-6,992	-10,787	-7,440	-9,405	-9,470	-9,360	-8,793	-8,471	-7,813
<i>Trade balance</i>	-2,776	-10,360	-12,782	-8,306	-10,596	-10,422	-10,729	-10,874	-11,084	-11,012
Exports, f.o.b.	39,826	48,561	62,685	57,096	65,389	76,436	89,220	104,312	121,973	142,907
Imports, f.o.b.	42,602	58,921	75,467	65,402	75,984	86,857	99,949	115,186	133,057	153,919
<i>Nonfactor services (net)</i>	-8	-894	-915	-1,129	-1,649	-1,633	-1,645	-1,704	-1,818	-1,969
Receipts	5,100	6,030	7,041	5,766	6,502	7,413	8,457	9,605	10,879	12,317
Payments	5,108	6,924	7,956	6,895	8,152	9,047	10,102	11,308	12,697	14,285
<i>Investment income (net)</i>	-1,429	-2,168	-4,401	-4,532	-3,859	-4,755	-5,042	-5,044	-5,238	-5,589
Receipts	668	1,093	1,357	752	619	435	831	1,520	2,042	2,427
Payments	2,097	3,261	5,758	5,284	4,478	5,189	5,873	6,565	7,280	8,016
<i>Transfers (net)</i>	4,049	6,430	7,311	6,527	6,698	7,340	8,056	8,830	9,669	10,756
Private	3,800	6,180	6,804	6,018	6,138	6,724	7,378	8,084	8,849	9,855
Official	249	250	507	509	560	616	677	745	820	902

Current account balance



In millions of U.S. dollars



Source: IMF, ADB

Cán cân mậu dịch (thương mại)

- Cán cân mậu dịch (TM) còn được gọi là cán cân hữu hình (visible) nó phản ánh chênh lệch giữa khoản thu từ xuất khẩu và các khoản chi cho nhập khẩu hàng hóa, mà các hàng hóa này lại có thể quan sát được khi di chuyển qua biên giới.
 - Xuất khẩu làm phát sinh khoản thu nên ghi (+) trong BP
 - Nhập khẩu làm phát sinh khoản chi nên ghi (-) trong BP
 - Khi $XK > NK$ thì CCTM thặng dư

Xuất – nhập khẩu của Việt Nam





Bảng 1. Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam giai đoạn 2011-2013

Chỉ tiêu (tỷ USD)	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng kim ngạch XNK	203,66	228,37	263,5
Kim ngạch xuất khẩu	96,92	114,57	132,2
Kim ngạch nhập khẩu	106,75	113,79	131,3
Tặng dư (+), thâm hụt (-)	-9,84	+0,78	+0,9

Nguồn: Tổng cục Thống kê □



Cán cân dịch vụ



- Bao gồm các khoản thu, chi từ các hoạt động dịch vụ về vận tải, du lịch, bảo hiểm, bưu chính, viễn thông, hàng không, ngân hàng, thông tin...
 - Dịch vụ phát sinh cung ngoại tệ ghi (+)
 - Dịch vụ phát sinh cầu ngoại tệ ghi (-)
- Hiện nay doanh số xuất nhập khẩu dịch vụ tăng lên nhanh chóng cả về số tuyệt đối lẫn tương đối so với doanh số xuất nhập khẩu hàng hóa hữu hình. Các lĩnh vực có tốc độ tăng nhanh: du lịch, vận tải biển, viễn thông và công nghệ thông tin.

Cán cân thu nhập



- ***Thu nhập của người lao động:*** các khoản tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác bằng tiền hiện vật từ xuất khẩu lao động và ngược lại.
 - *Nhân tố tác động chủ yếu: Số lượng và chất lượng lao động.*
- ***Thu nhập về đầu tư:*** là khoản thu từ lợi nhuận đầu tư trực tiếp, lãi từ đầu tư vào các giấy tờ có giá, các khoản lãi tiền gửi...
 - *Nhân tố tác động chủ yếu: số lượng dự án và TSSL, TGHD*

Cán cân chuyển giao vĩnh lai một chiều

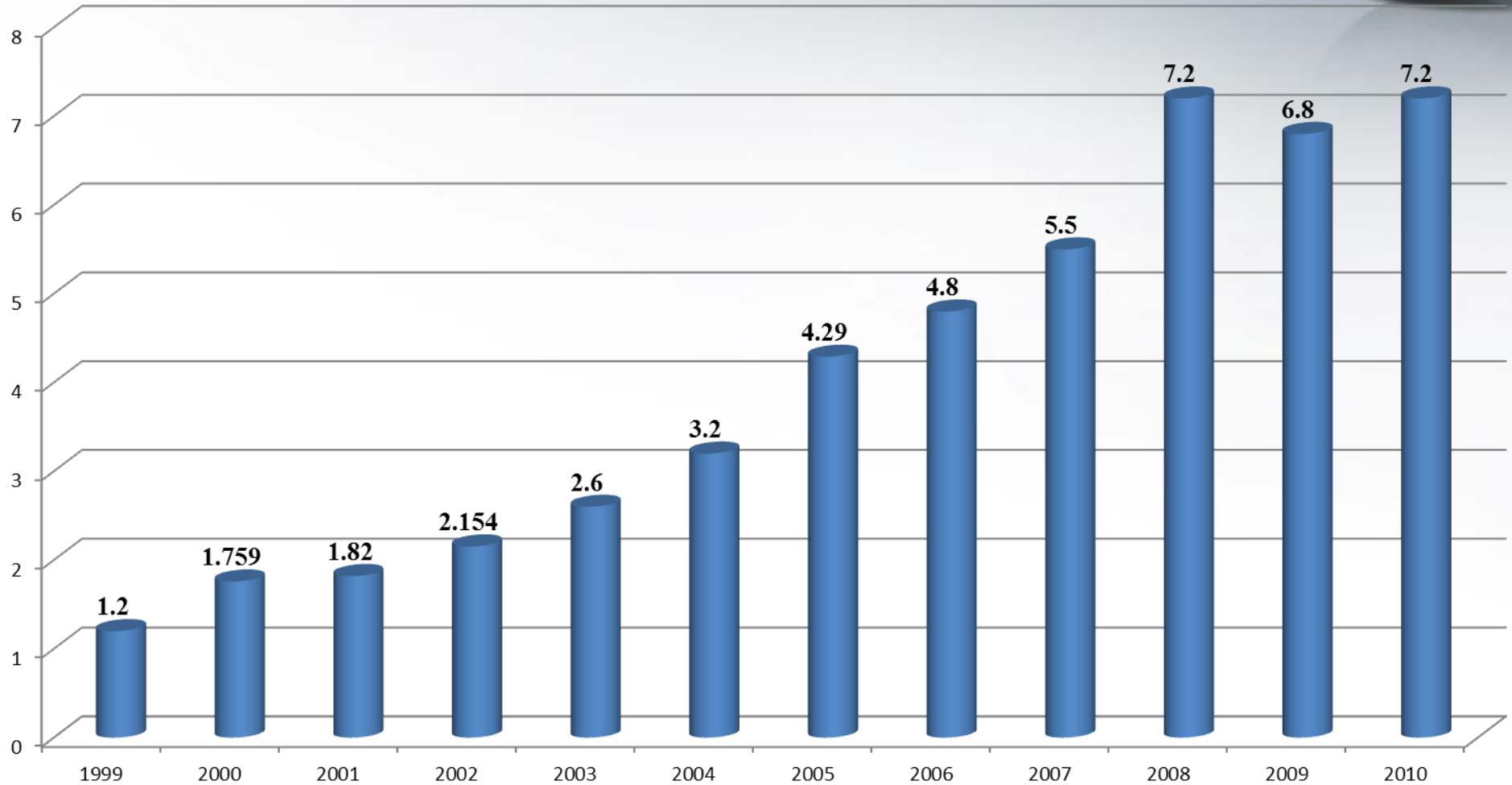


- Các khoản viện trợ không hoàn lại, quà tặng, quà biếu
- Các khoản chuyển giao khác bằng tiền mặt, hiện vật cho mục đích tiêu dùng (kiều hối)
- *Cán cân dịch vụ, thu nhập và chuyển giao một chiều gọi là **cán cân vô hình (invisible)***

KIỀU HỒI

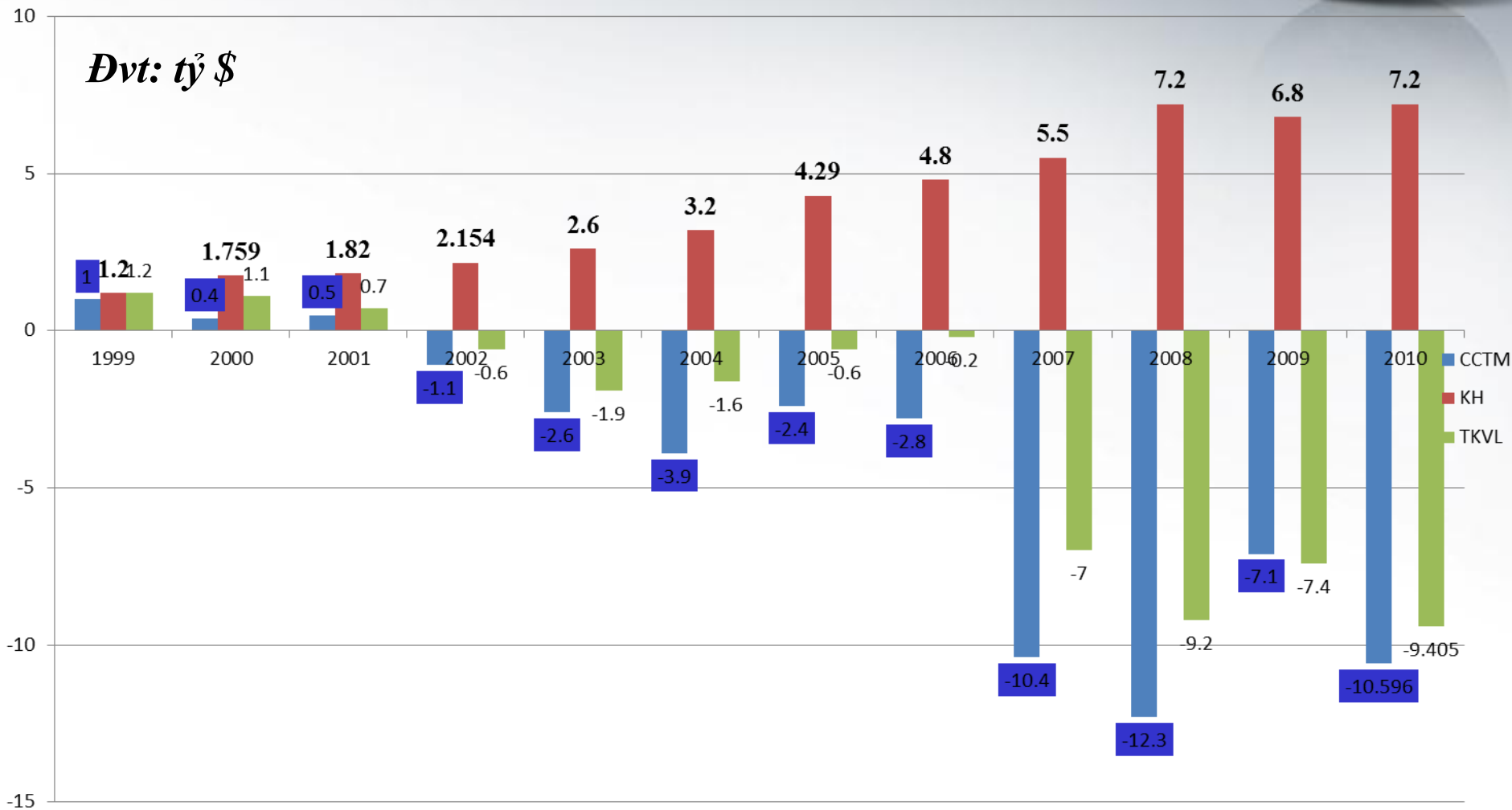


Đvt: tỷ \$



Nguồn: Tổng cục thống kê

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI, KIỀU HỐI & CÁN CÂN VẮNG LẠI VIỆT NAM

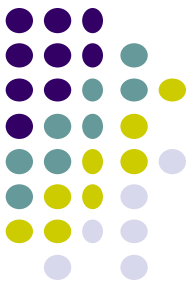


Nguồn: IMF, ADB, Tổng cục thống kê

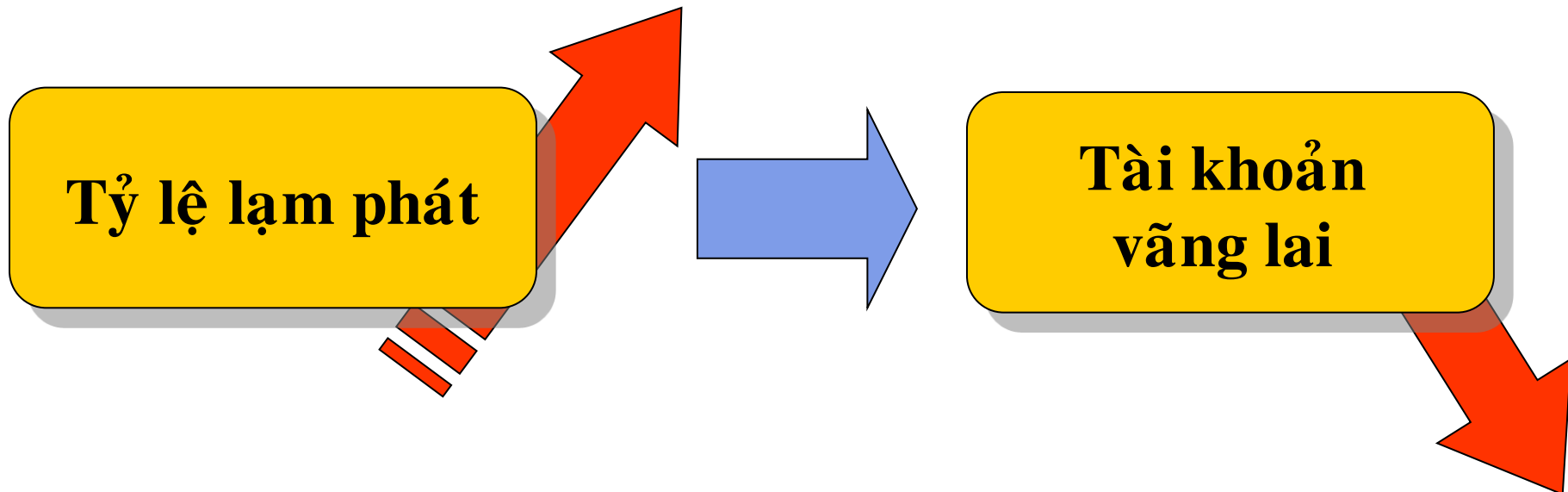
CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÂN CÂN TÀI KHOẢN VĨNG LẠI

1. Lạm phát
2. Thu nhập quốc dân
3. Tỷ giá hối đoái
4. Các biện pháp hạn chế của chính phủ





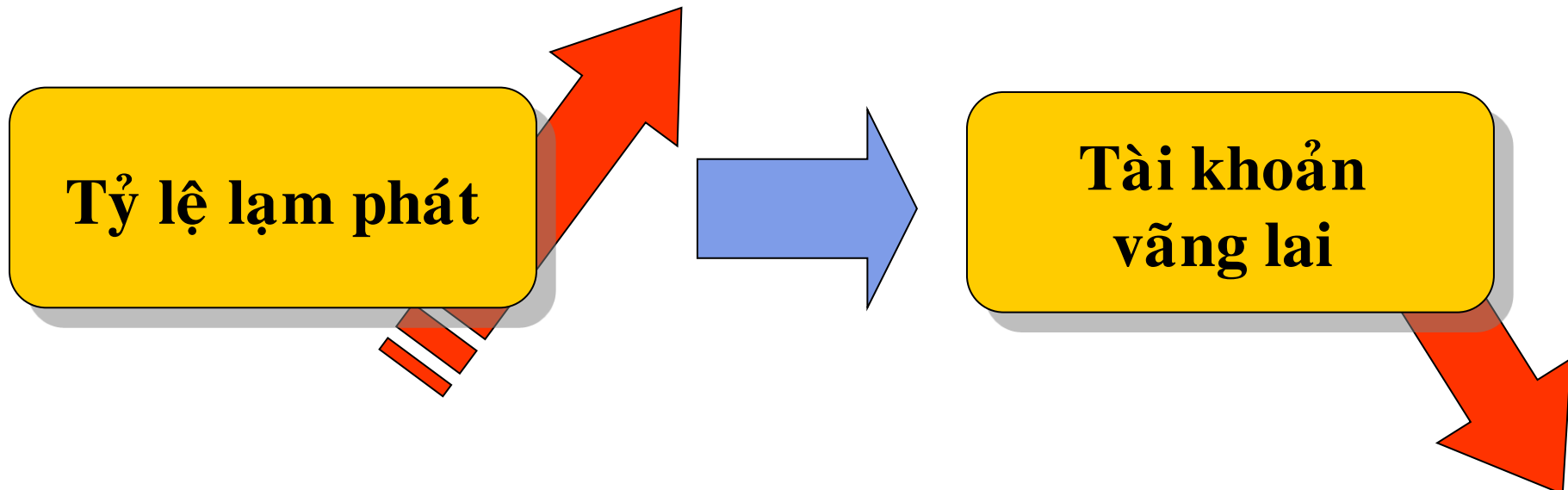
Ảnh hưởng của lạm phát. Nếu một quốc gia có tỷ lệ lạm phát tăng so với các quốc gia khác có quan hệ mậu dịch, thì tài khoản vãng lai của quốc gia này sẽ giảm nếu các yếu tố khác bằng nhau.



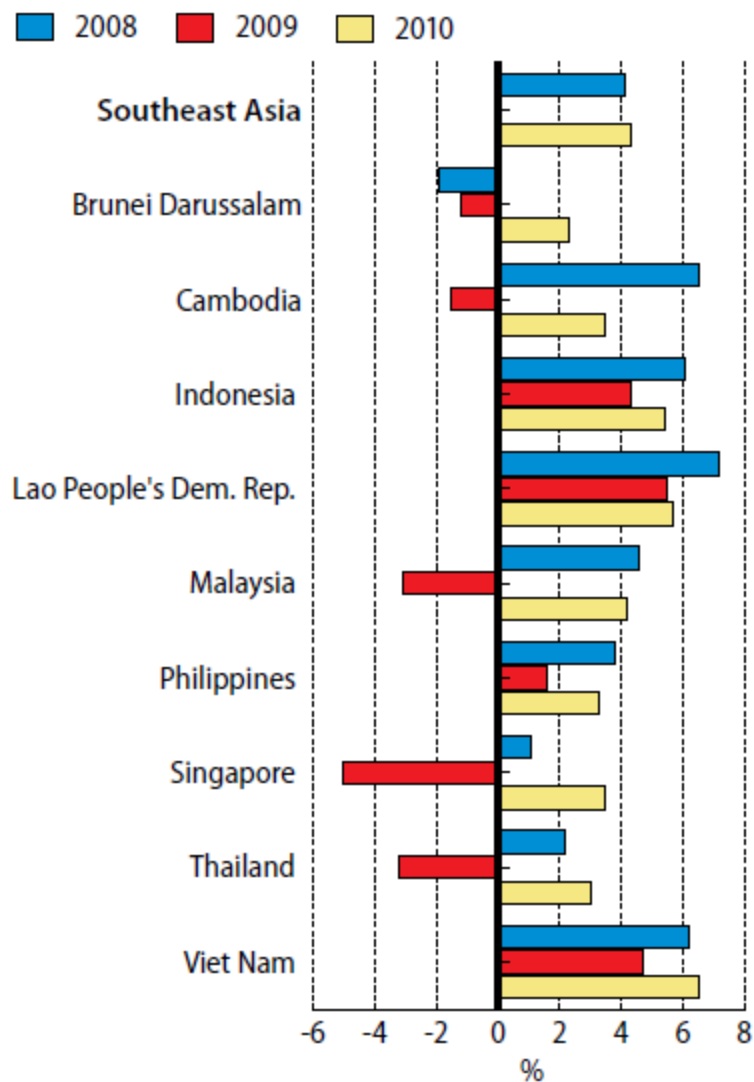


Ảnh hưởng của lạm phát. Nếu một quốc gia có tỷ lệ lạm phát tăng so với các quốc gia khác có quan hệ mậu dịch, thì tài khoản vãng lai của quốc gia này sẽ giảm nếu các yếu tố khác bằng nhau.

Bởi vì người tiêu dùng và các doanh nghiệp trong nước hầu như sẽ mua hàng nhiều hơn từ nước ngoài (do lạm phát trong nước cao), trong khi xuất khẩu sang các nước khác sẽ sụt giảm.

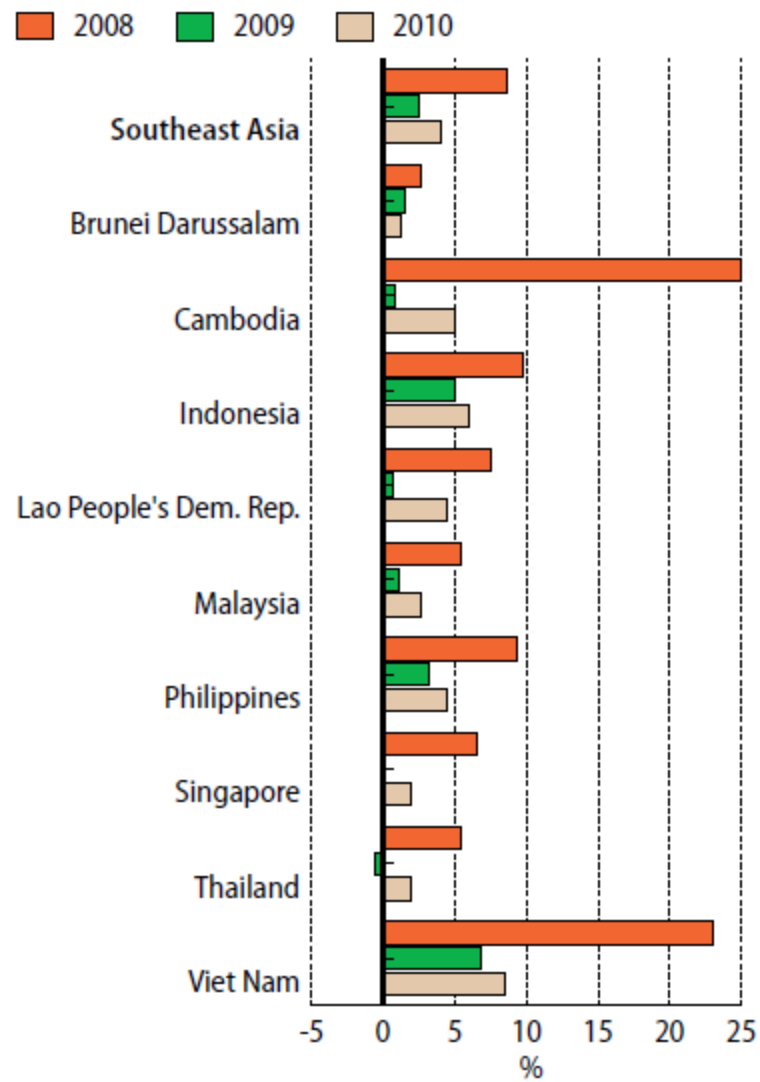


3.1.10 GDP growth, Southeast Asia



Sources: Asian Development Outlook database; staff estimates.

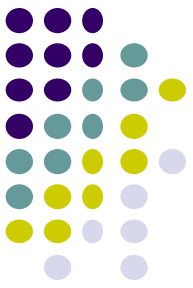
3.1.11 Inflation, Southeast Asia



Sources: Asian Development Outlook database; staff estimates.



... lạm phát



Lạm phát tiếp tục là bài toán lớn nhất đối với Chính phủ Việt Nam hiện nay.

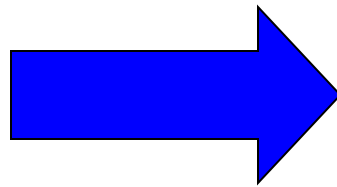
Lạm phát cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp lên mức sống của người dân Việt Nam, khi giá cả tăng cao làm xói mòn thu nhập của người dân, nhất là người nghèo



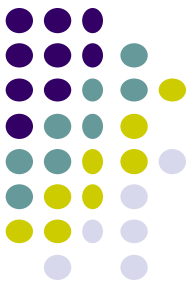
Ảnh hưởng của thu nhập quốc dân



Có phải khi thu nhập người ta tăng lên thì họ sẽ có xu hướng tiêu dùng hàng hóa của nước ngoài nhiều hơn?

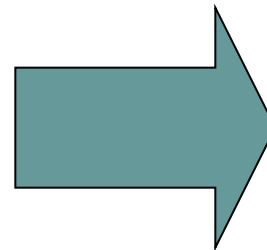


... thu nhập quốc dân



Nếu mức thu nhập của một quốc gia (thu nhập quốc dân) tăng theo một tỷ lệ cao hơn tỷ lệ tăng của các quốc gia khác, tài khoản vãng lai của quốc gia đó sẽ giảm nếu các yếu tố khác bằng nhau. Vì người dân sẽ có xu hướng tiêu dùng hàng nước ngoài nhiều hơn.

Thu nhập quốc dân **tăng**
cao hơn tỷ lệ tăng của
các quốc gia khác



Tài khoản vãng lai
của quốc gia đó
sẽ **giảm**

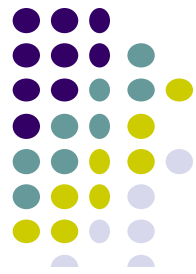
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái.

Nếu đồng tiền của một nước bắt đầu tăng giá so với đồng tiền của các nước khác, tài khoản vãng lai của nước đó sẽ giảm nếu các yếu tố khác bằng nhau.

Bởi vì hàng hóa xuất khẩu từ nước này sẽ trở nên mắc hơn đối với các nước nhập khẩu nếu đồng tiền của họ mạnh. Kết quả là nhu cầu các hàng hóa đó sẽ giảm.

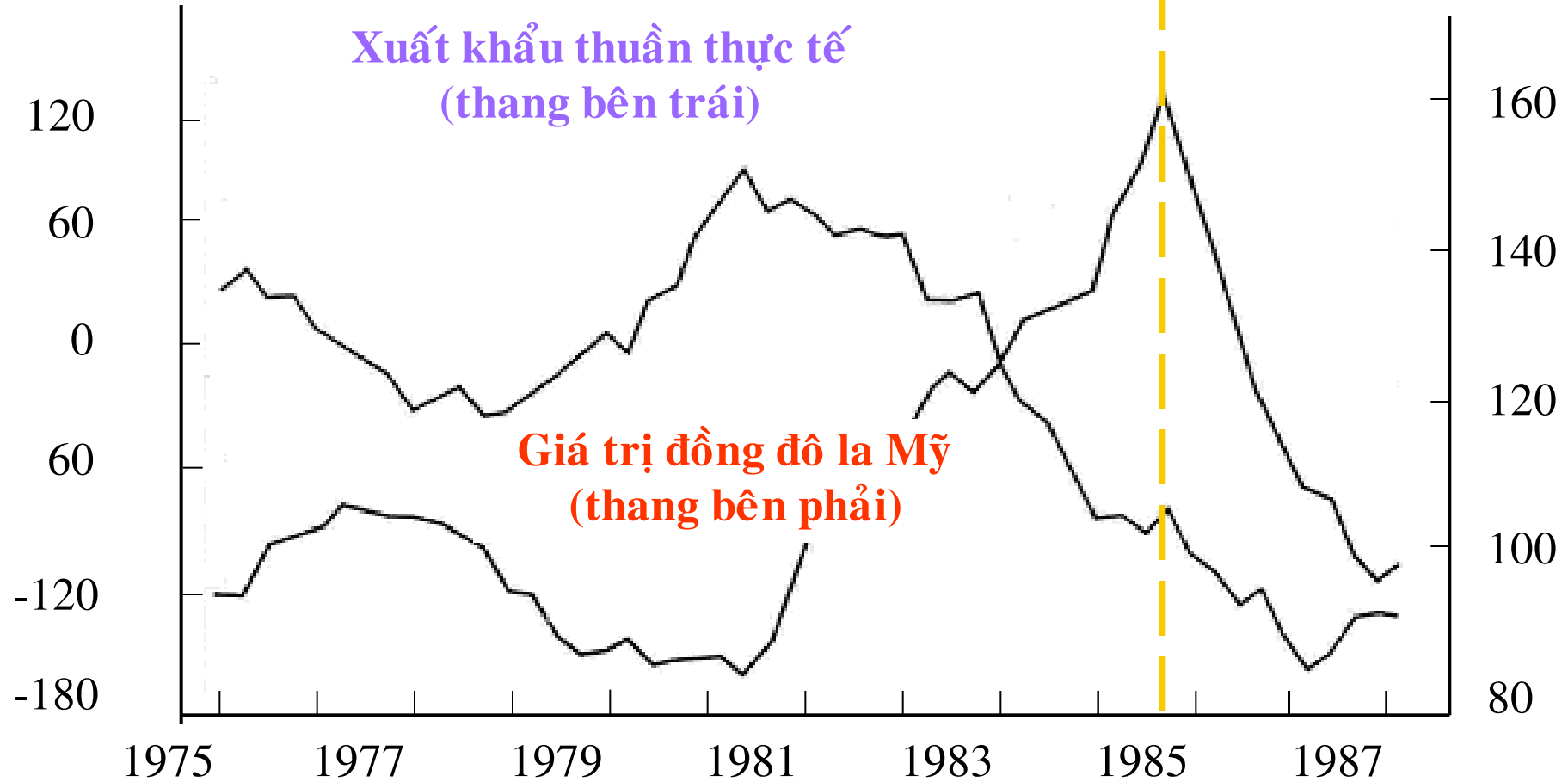


Mối liên hệ giữa giá trị đồng đô la và xuất khẩu thực tế của Mỹ

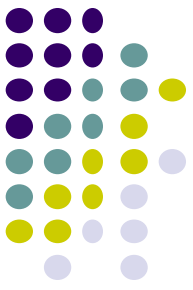


Tỷ đô la Mỹ

Chỉ số đô la Mỹ



HIỆU ỨNG ĐƯỜNG CONG J



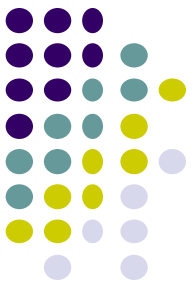
**Phá giá tiền tệ có cải thiện được cán cân thương mại không?
Và để phá giá thành công thì cần những điều kiện nào?**

Phá giá nội tệ tạo ra hiệu ứng giá cả và khối lượng. Cụ thể:

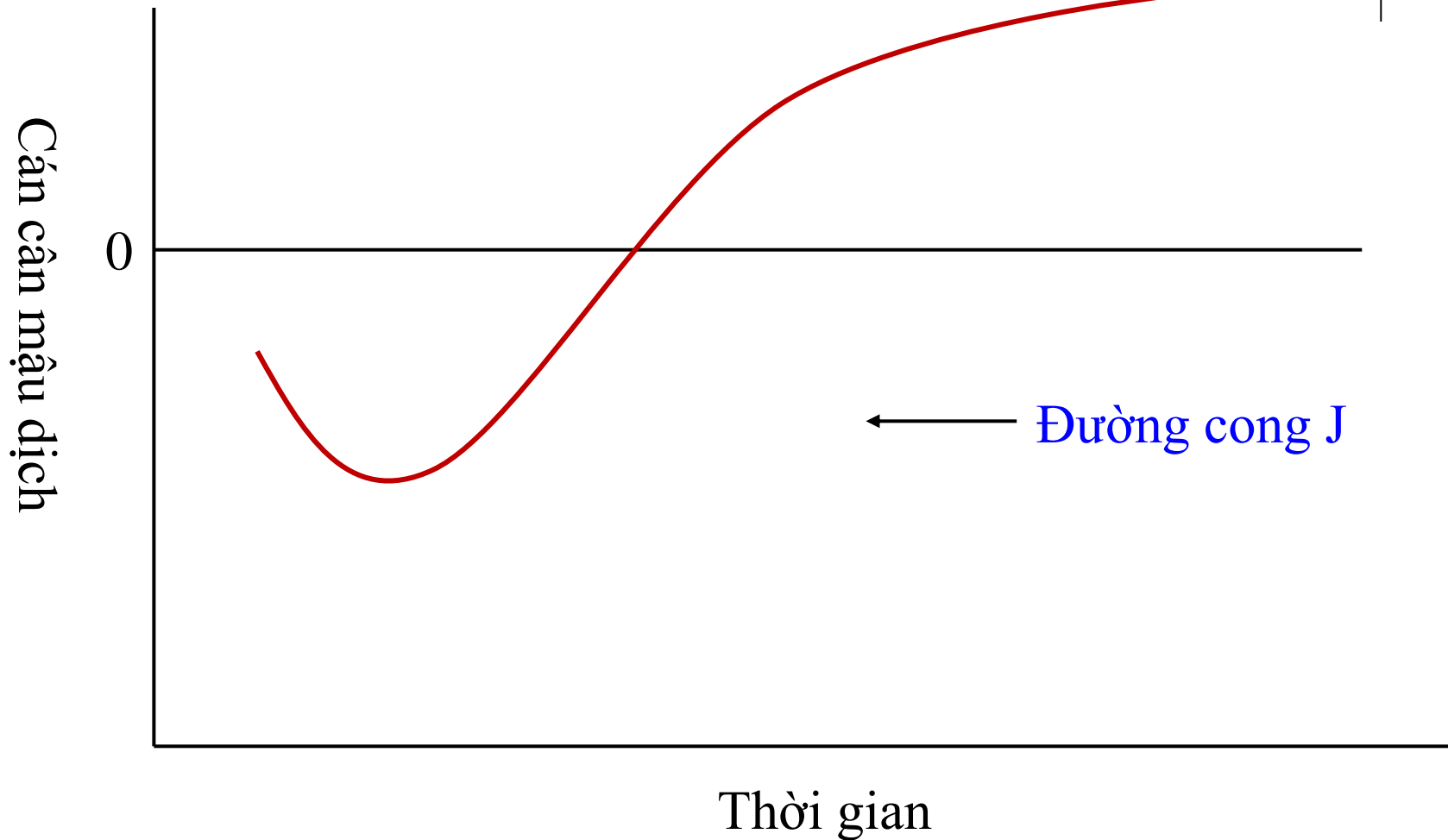
$$\text{CCTM} = \mathbf{P} * \mathbf{Q}_X - \mathbf{E} * \mathbf{P}' * \mathbf{Q}_M$$

Hiệu ứng khối lượng: Phá giá nội tệ làm cho khối lượng xuất khẩu tăng; khối lượng nhập khẩu giảm. Q_X tăng, Q_M giảm làm cho CCTM_{VND} được cải thiện

Hiệu ứng giá cả: Phá giá, tức TGHD (E) tăng làm cho giá cả hàng hóa nhập khẩu tăng khi tính bằng VND => làm xấu đi CCTM_{VND}



Phản ứng của cân cân mật dịch đối với một đồng tiền yếu

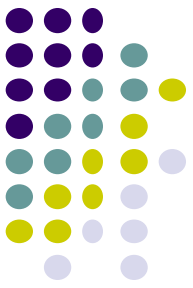




Vậy, CCTM được cải thiện hay không tùy thuộc vào tính trội của hiệu ứng giá cả hay hiệu ứng khối lượng. Do hiệu ứng giá cả có tác dụng ngay lập tức sau khi phá giá, trong khi hiệu ứng khối lượng chỉ có tác dụng sau một thời gian nhất định. Vì khối lượng xuất nhập khẩu không (ít) co giãn trong ngắn hạn mà chỉ có giãn trong dài hạn. **Đây là nguyên nhân tạo nên hiệu ứng đường cong J.**

Muốn phá giá thành công, cần:

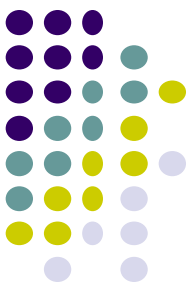
- Tỷ trọng hàng hóa đủ chuẩn tham gia thương mại quốc tế (Internatinonal Tradeable Goods – ITG)
- Tiềm năng linh hoạt của nền kinh tế chuyển hướng sang xuất khẩu
- Năng lực sản xuất thay thế hàng nhập khẩu.
- Tâm lý tiêu dùng hàng ngoại giảm, người NN đã thực sự tin tưởng và an tâm khi mua hàng hóa nước phá giá tiền tệ.
- Tỷ trọng hàng nhập khẩu trong đầu vào sản phẩm xuất khẩu ở mức thấp.
- Mức độ linh hoạt của tiền lương.



Chính sách tỷ giá của Trung Quốc

Giai đoạn trước 1979:

- Nền kinh tế kế hoạch hóa, bao cấp
- Tỷ giá cố định và đa tỷ giá.
- Neo đồng NDT theo đồng Rup



...câu chuyện của Trung Quốc

Sau khi chuyển đổi nền kinh tế từ 1979, Trung quốc thực hiện điều chỉnh tỷ giá theo hướng giảm dần giá trị đồng nội tệ

Diễn biến của tỉ giá USD/NDT thời kỳ 1978 – 1990.

Chỉ tiêu	1978	1980	1982	1984	1986	1988	1990
Tỷ giá USD/NDT	1.577	1.530	1.922	2.975	3.722	3.722	5.222

Biến động tỉ giá danh nghĩa USD/NDT đầu những năm 1990.

Chỉ tiêu	1990	1991	1992	1993
Tỷ giá USD/NDT	5.222	5.434	5.752	5.800



- ➔ Ngày 1.1.1994, đồng Nhân dân tệ chính thức bị tuyên bố phá giá mạnh từ 5.8 NDT/USD xuống 8.7 NDT/USD, tương ứng với tỷ lệ phá giá 50% (2.9/5.8).
- ➔ Quy định biên độ dao động tỷ giá

Tỷ giá và xuất nhập khẩu, câu chuyện của Trung Quốc

- ✓ Vào Năm 1990, USD = 5,8-5,9 CNY
- ✓ Từ năm 1994 đến ngày 21/07/2005: Trung Quốc neo đồng CNY theo USD tại mức 8,28 CNY ăn 1 USD.
- ✓ Ngày 21/07/2006: NHTW TQ thực hiện cải cách chính sách tỷ giá:
 - 8,11 CNY ăn 1 USD (tăng giá 2,1% so với USD)
 - Thực hiện chính sách tỷ giá thả nổi có quản lý và CNY được định giá neo một “rổ tiền tệ”

...câu chuyện của Trung Quốc

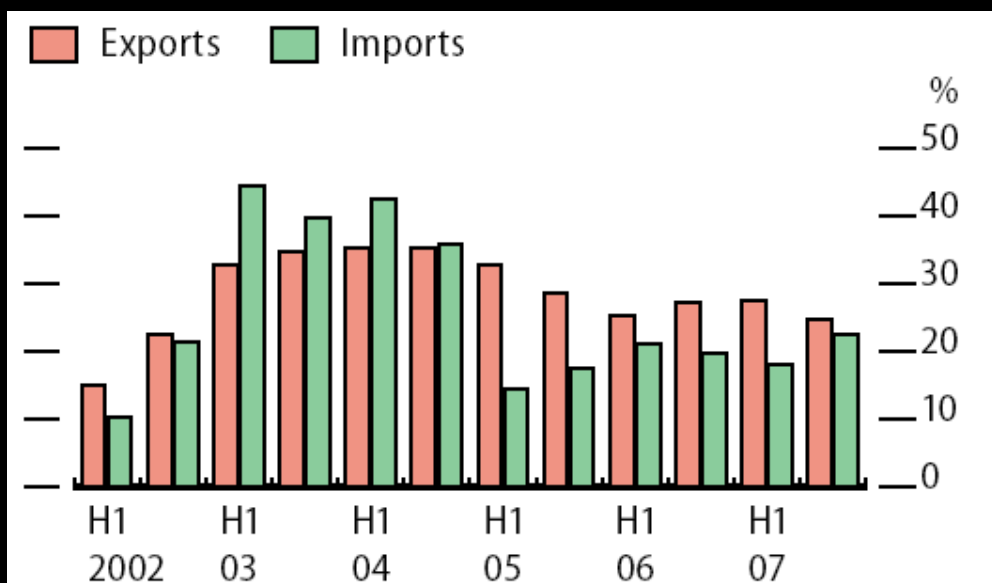
Các chuyên gia cho rằng CNY đã được định giá quá thấp (từ 10 đến 15%) so với USD và các ngoại tệ khác.

Chính sách “nội tệ được định giá thấp” cộng với một số yếu tố khác đã mang lại cho Trung Quốc:

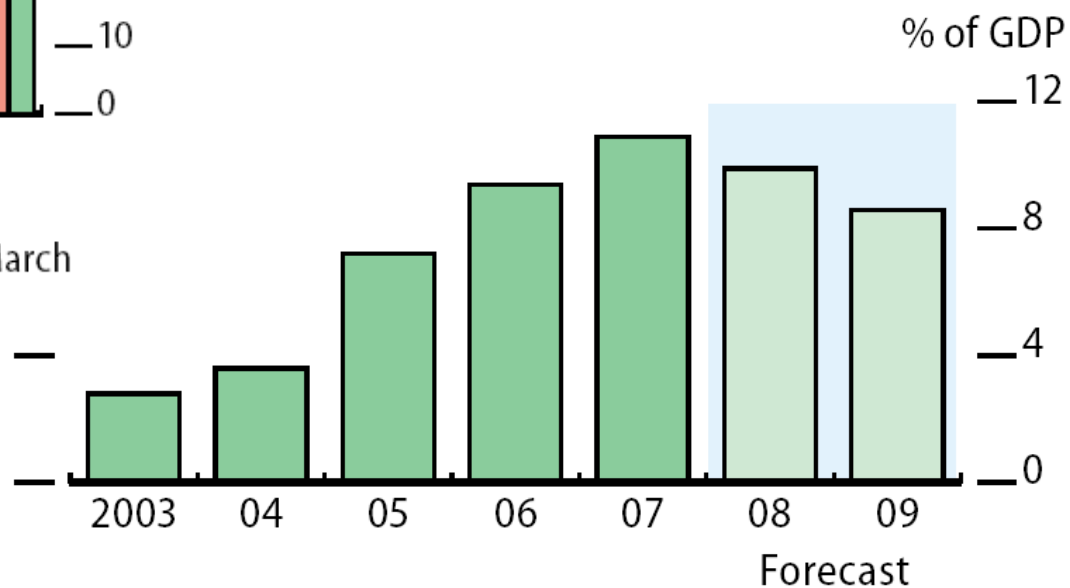


...câu chuyện của Trung Quốc

➤ Tăng trưởng mậu dịch bình quân 30%/năm



Sources: CEIC Data Company Ltd., downloaded 17 March 2008; staff estimates.



Sources: National Bureau of Statistics; staff estimates.

...câu chuyện của Trung Quốc

- Là bạn hàng lớn và chủ yếu của Mỹ và EU.

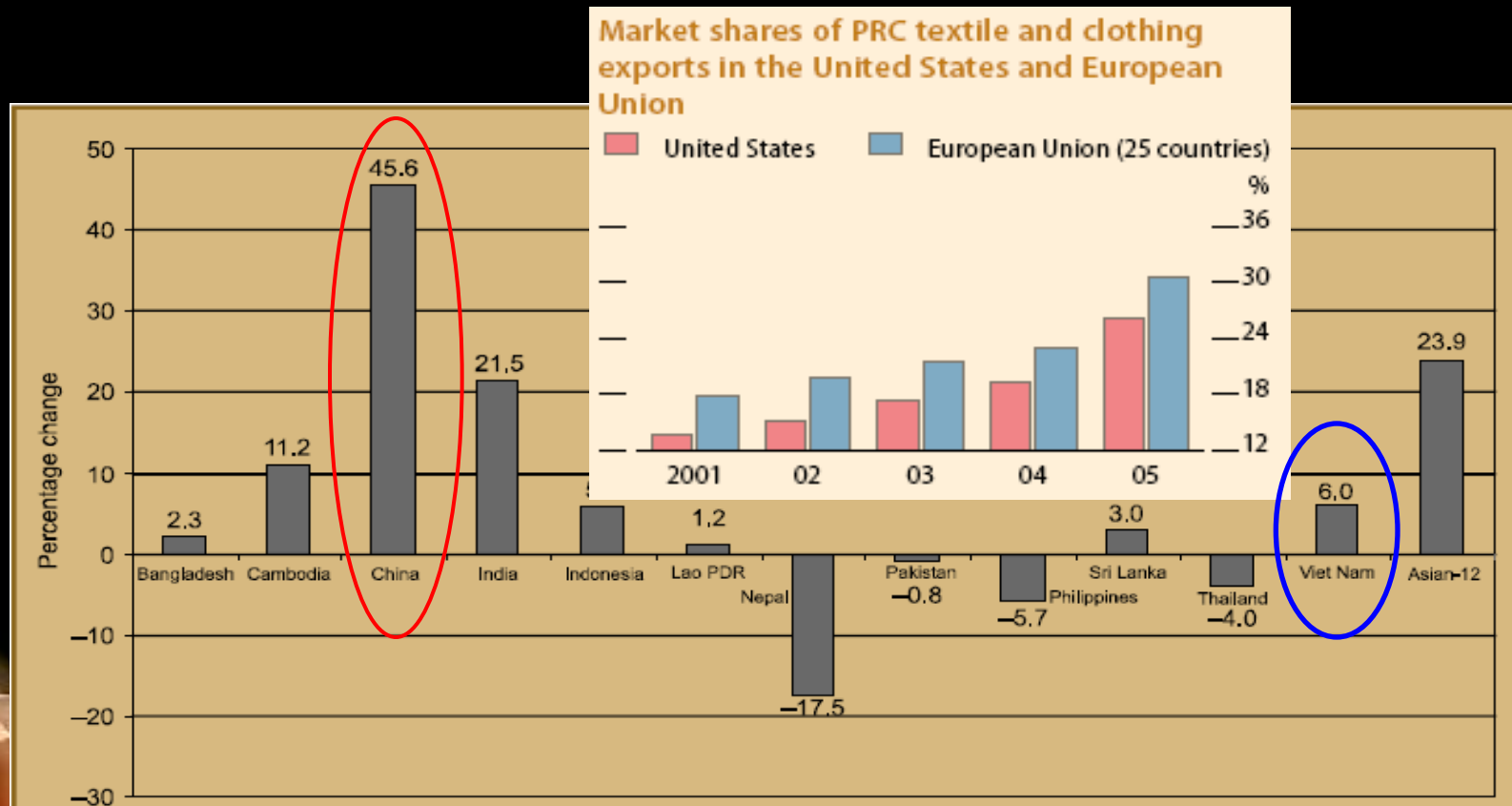


Figure 4.4: Growth in value of exports of textiles and clothing to the EU and the US 2004-05

Source: Adhikari and Yamamoto, 2006.

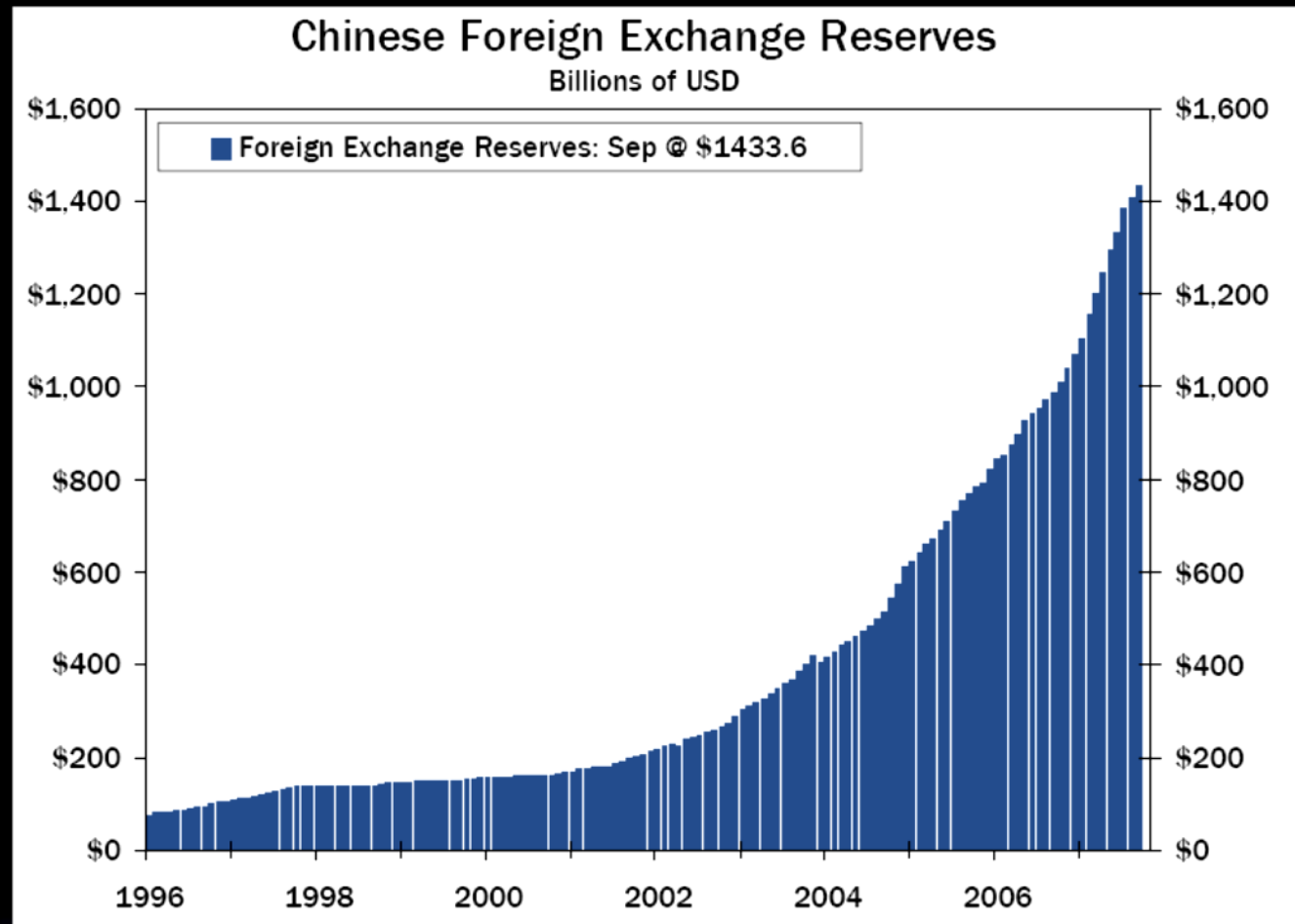
...câu chuyện của Trung Quốc

- Liên tục dẫn đầu bảng xếp hạng các quốc gia thu hút FDI nhiều nhất thế giới.



...câu chuyện của Trung Quốc

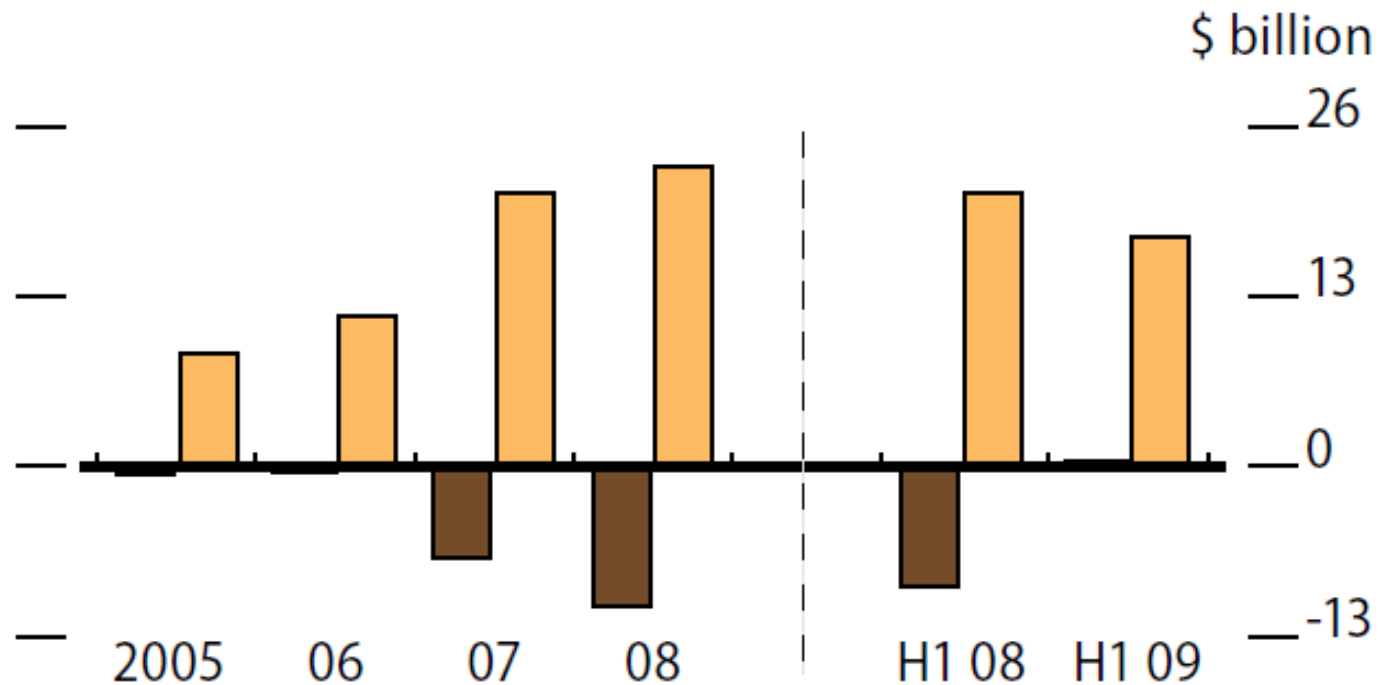
Trở thành quốc gia nắm dự trữ ngoại hối lớn nhất thế giới, hiện tại là gần 2.140 tỷ USD





3.10.8 Current account and reserves

- Current account balance
- Gross official reserves



Note: Reserves exclude the Government's foreign exchange deposits at the State Bank of Viet Nam and the foreign exchange counterpart of swap operations.

Sources: State Bank of Viet Nam; staff estimates.

Dự trữ ngoại hối của Việt Nam giai đoạn 2005 – 2009

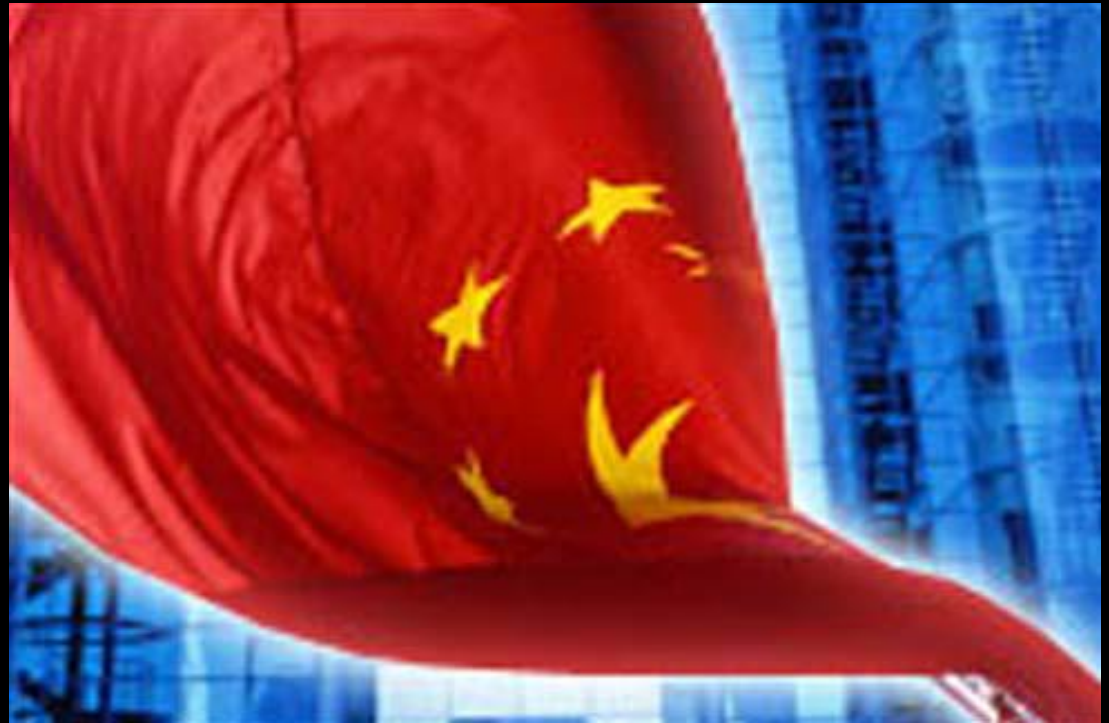


Foreign exchange reserves (in billions of U.S. dollars, end of period)	2005	2006	2007	2008	2009 (*)
Gross official reserves, including gold	8.6	11.5	21.0	23.0	20.7
Months of next year's imports	2.2	2.1	3.0	4.1	3.3

Source: IMF

...câu chuyện của Trung Quốc

Với tăng trưởng kinh tế gần 10%/năm, thương mại, đầu tư đều tăng trưởng nhanh, dự trữ ngoại hối to lớn, tiềm lực kinh tế TQ đang trở nên mạnh mẽ và mức ảnh hưởng to lớn hơn bao giờ hết.



...câu chuyện của Trung Quốc

Sức ép buộc TQ phải phá giá CNY ở một biên độ rộng hơn (10 đến 15%) và tiến đến thả nổi...

Bên trong: yêu cầu của chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát, hạn chế tăng trưởng nóng và đưa nền kinh tế “hạ cánh an toàn”.

Bên ngoài: sức ép nặng nề từ phía Mỹ, EU và Nhật Bản nhằm làm giảm sức cạnh tranh của hàng TQ nhằm cải thiện vị thế cán cân mậu dịch và tình trạng thất nghiệp tại các nước này.



...câu chuyện của Trung Quốc

Bắc Kinh 2008



or



...câu chuyện của Trung Quốc

Thảo luận:

- TQ có nên phá giá CNY vào thời điểm này hay không? Nếu có thì biên độ là bao nhiêu?
- Bài học “đồng nội tệ yếu” có lợi cho xuất khẩu của TQ liệu có đem áp dụng cho VN được hay không?

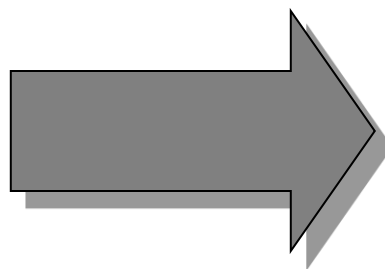


Các biện pháp hạn chế mậu dịch của chính phủ



Nếu Chính phủ một quốc gia áp dụng các hàng rào mậu dịch đối với hàng nhập khẩu, giá của hàng nước ngoài đối với người tiêu dùng trong nước sẽ tăng trên thực tế. Kết quả là nhập khẩu sẽ giảm và do đó làm tăng tài khoản vãng lai.

**Chính phủ gia tăng
các biện pháp hạn
chế mậu dịch**



**Tài khoản vãng lai
của quốc gia đó sẽ
tăng**

Các biện pháp hạn chế mậu dịch của chính phủ



Các hàng rào mậu dịch bao gồm:

- ✓ Hàng rào thuế quan
- ✓ Các hàng rào phi thuế quan



Các biện pháp hạn chế mậu dịch của chính phủ



Hàng rào thuế quan

- ✓ Thuế quan được áp dụng nhằm *tăng nguồn thu ngân sách, ngăn chặn hàng nhập khẩu* và *bảo vệ hàng trong nước, trả đũa* một quốc gia khác, *bảo vệ một ngành sản xuất* quan trọng hay còn non trẻ của nước mình.
- ✓ Thông qua các vòng đàm phán, WTO luôn hướng mục tiêu cắt giảm thuế quan. Các nước thành viên không được phép tăng thuế lên trên mức trần đã cam kết trong biểu.

Các biện pháp hạn chế mậu dịch của chính phủ



Các hàng rào phi thuế quan

- ✓ Hạn chế định lượng (quota)
- ✓ Cấp phép nhập khẩu
- ✓ Định giá hải quan để tính thuế
- ✓ Trợ cấp
- ✓ Chống bán phá giá
- ✓ Các quy định về kỹ thuật, vệ sinh, nhãn mác
- ✓ Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Các biện pháp hạn chế mậu dịch của chính phủ



Hàng rào thuế quan và lộ trình WTO của VN

- ✓ Có 10.687 dòng thuế phải qua đàm phán, mức thuế suất chung đã giảm từ 17,4% xuống còn 13,6%, trong đó hàng công nghiệp còn 21%, hàng nông nghiệp 12,6%...
- ✓ VN đang ở cao điểm của lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu, với ***khoảng 30% mức thuế nhập khẩu hiện hàng phải cắt giảm***, với khoảng 117 nhóm hàng.
- ✓ Tính toán của ngành tài chính cho thấy giảm thu ngân sách từ thuế nhập khẩu sẽ vào khoảng 308,9 triệu đô la Mỹ trong khoảng năm năm sau khi gia nhập WTO. Con số này tương đương 4.800 tỉ đồng, tức ***VN sẽ bị giảm thu khoảng 1.000 tỉ đồng mỗi năm***.

Các biện pháp hạn chế mậu dịch của chính phủ



Các hàng rào phi thuế quan và lộ trình WTO của VN

- ✓ VN phải thực hiện nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa mọi thành phần kinh tế.
- ✓ Bỏ toàn bộ trợ cấp xuất khẩu nông sản.
- ✓ Thực hiện nguyên tắc chính phủ sẽ không được can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp (DN) nhà nước dưới bất kỳ hình thức nào và các DN này buộc phải hoạt động trên các tiêu chí về thương mại thông thường.
- ✓ Các DN nước ngoài được quyền kinh doanh xuất nhập khẩu như các DN VN.
- ✓ Cam kết về minh bạch hóa chính sách, Chính phủ phải thành lập một website công bố toàn bộ các chính sách về thương mại, sở hữu trí tuệ, đầu tư...

Các biện pháp hạn chế mậu dịch của chính phủ



Các biện pháp hạn chế mậu dịch của Chính phủ sẽ phải trả giá. Chính phủ các nước đối tác thương mại sẽ trả đũa, hậu quả là dẫn đến các cuộc “chiến tranh mậu dịch” và kết quả là thương mại của hai nước đều sụt giảm.

Chính phủ các nước hãy thực hiện tự do hóa thương mại, bãi bỏ các hàng rào mậu dịch, hàng hóa sẽ được di chuyển tự do giữa các quốc gia, tăng trưởng mậu dịch sẽ mang đến sự giàu có cho các quốc gia....



B e r

Commissi
Commi
Europé



TRADE JUSTICE
NOT FREE TRADE



... nhưng



Người nghèo trong cuộc chơi đó



Đương đầu với làn sóng
toàn cầu hoá

Xuất khẩu tăng nhưng
nhập khẩu cũng tăng theo

Đói nghèo giảm
nhưng khoảng cách
chênh lệch tăng lên



Thất nghiệp gia tăng



**Những nước nghèo
vẫn phải gánh chịu
sự bất công trong
chính sách bảo
hộ nông nghiệp
của các nước giàu.**



“Hạt gạo được tạo ra bằng chính mồ hôi, công sức và đôi khi cả nước mắt của những người nông dân nghèo khó như chúng tôi. Hằng ngày chúng tôi luôn phải tiếp xúc với các loại hóa chất độc hại, dãi nắng dầm mưa để chăm sóc cho cây lúa, nhưng chúng tôi không mong gì hơn, chỉ hi vọng nhận được phần mà mình xứng đáng được nhận. Chỉ mong người tiêu dùng hằng ngày ăn cơm hãy nghĩ đến giá trị của hạt gạo”.

(Nguyễn Văn Lam – nông dân Đồng Tháp, tác giả bức thư gửi Thủ Tướng Chính Phủ làm rung động hàng triệu trái tim cả nước).



... sự thật là



Các nước đang phát triển theo đuổi tự do hóa mậu dịch nhưng tự do hóa mậu dịch không giúp cho sự giảm nghèo, trừ phi Chính phủ các nước có một chính sách thích đáng để khai thác tăng trưởng kinh tế cho mục tiêu phát triển con người.



... Vậy, hãy tìm cách để tự do mậu dịch mang đến cuộc sống thực sự tốt hơn cho mọi người...

(UNDP – United Nations Development Programme).

TÀI KHOẢN TÀI CHÍNH

- ➡ Tài khoản tài chính **phản ánh các thay đổi trong tài sản dài hạn và ngắn hạn** mà quốc gia sở hữu.
- ➡ Đầu tư nước ngoài dài hạn bao gồm tất cả đầu tư vốn giữa các quốc gia, kể cả đầu tư nước ngoài trực tiếp và mua chứng khoán với kỳ hạn trên một năm.
- ➡ Đầu tư nước ngoài ngắn hạn gồm các lưu lượng vốn đầu tư vào chứng khoán có kỳ hạn dưới một năm.

SỰ CẦN THIẾT CỦA NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

- Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.
- Để đạt mục tiêu CNH-HĐH vào năm 2020 cần tăng trưởng kinh tế cao, liên tục và trong thời gian dài. Mục tiêu đó đòi hỏi phải có một lượng vốn đầu tư khổng lồ, lên tới trên 40% GDP.

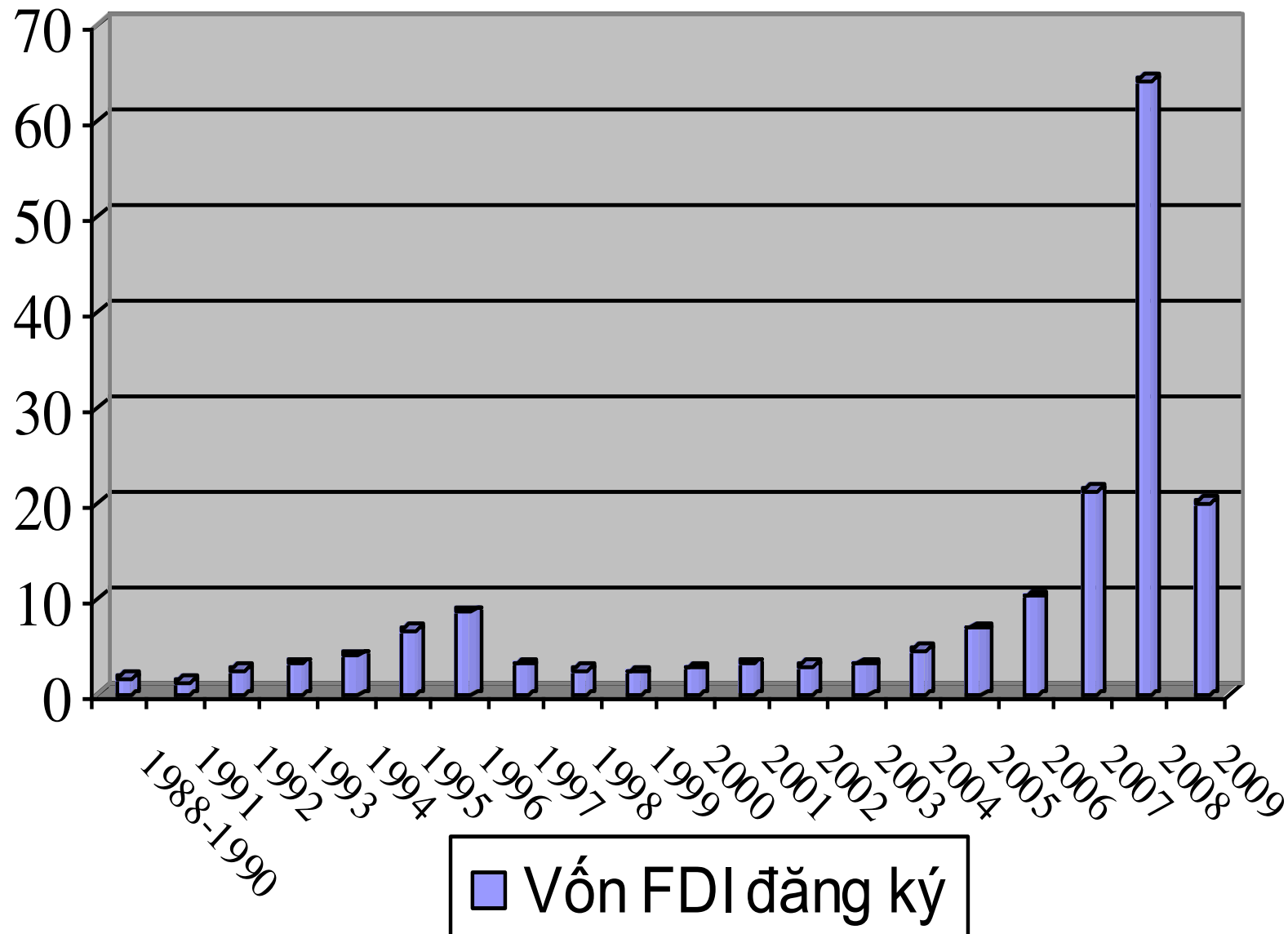
- Trong khi tích lũy trong nước (tiết kiệm) để đầu tư mới đạt dưới 30%, thì vốn đầu tư nước ngoài là một nguồn quan trọng cần thu hút mạnh mẽ.
- Nguồn vốn này sẽ gia tăng, không chỉ do nhu cầu thu hút của nước ta mà còn do nhu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài trong điều kiện toàn cầu hóa, Việt Nam mở cửa sâu, rộng hơn, đồng USD giảm giá trên thị trường thế giới làm cho các nhà đầu tư bỏ vốn vào những nơi giúp họ gia tăng TSSL.

DÒNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP FDI (Foreign Direct Investment)

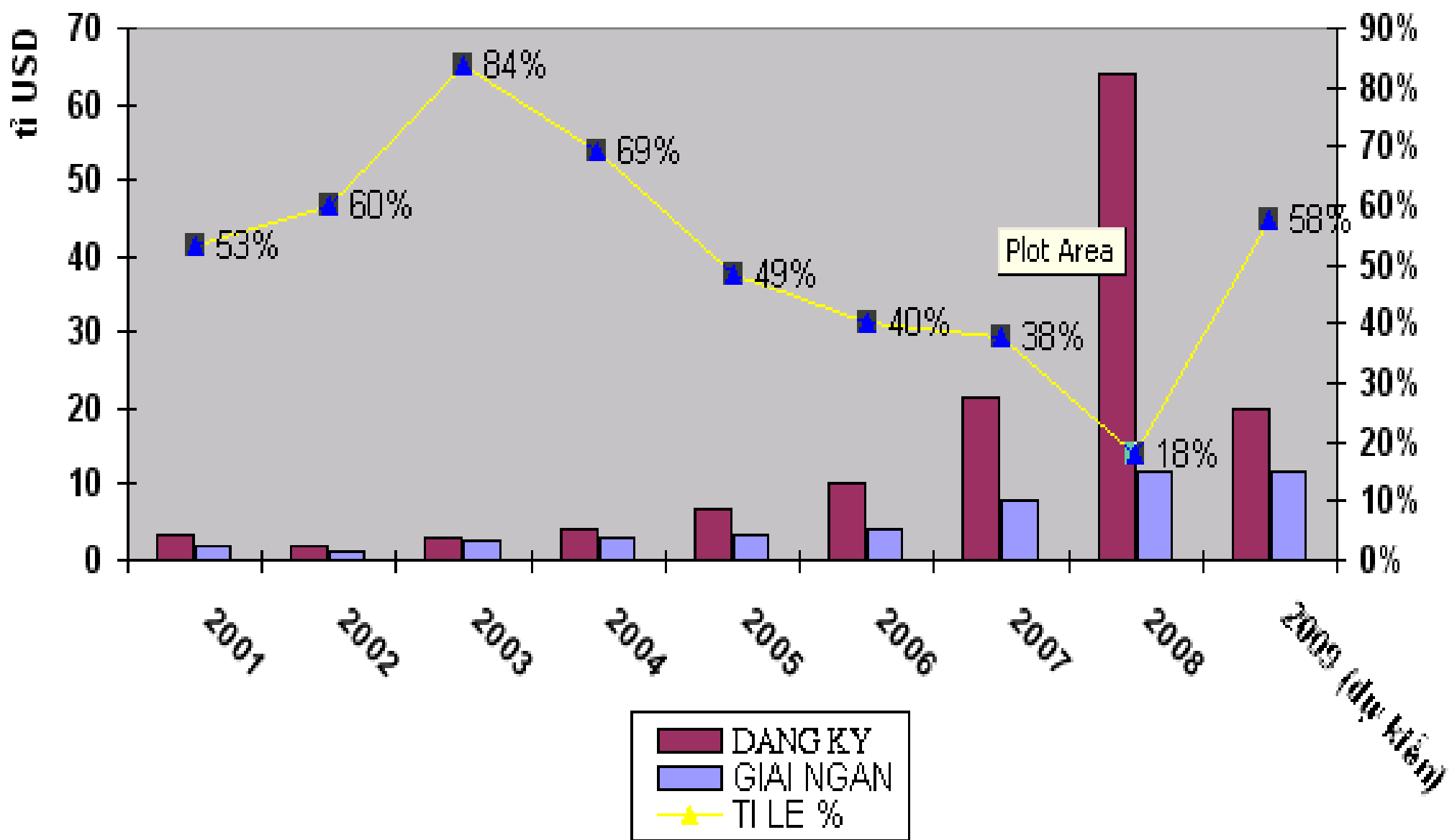
- Đầu tư trực tiếp nước ngoài là hình thức nhà đầu tư (cá nhân hoặc tổ chức) để đạt được quyền kiểm soát doanh nghiệp ở nước ngoài. Hoạt động FDI tạo ra công ty mẹ và công ty con từ đó hình thành ra tập đoàn đa quốc gia.
- Để được gọi là đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn đầu tư phải đủ lớn để nắm quyền kiểm soát công ty ở nước ngoài (51%). Tuy nhiên thực tế các QG xem ở mức 30% là đầu tư trực tiếp. Nếu ít hơn số đó thì gọi là đầu tư gián tiếp.

Các dòng vốn chảy vào Việt Nam: FDI giai đoạn 1990 – 2008

(theo cục đầu tư nước ngoài)



MUC GIAI NGAN FDI 2001-2009



TỔNG QUAN VỀ FDI

- ➔ Định hướng trở thành nước công nghiệp vào năm 2020 cần ưu tiên thu hút ĐTNN vào các ngành có tác động lớn trên các phương diện như: thúc đẩy chuyển giao công nghệ nhất là công nghệ cao, công nghệ nguồn; gia tăng xuất khẩu; tạo việc làm; phát triển công nghiệp phụ trợ; các dự án sản xuất các sản phẩm, dịch vụ có sức cạnh tranh; các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng.
- ➔ ***Chú trọng thu hút FDI từ các tập đoàn đa quốc gia (MNCs):*** FDI trên thế giới chủ yếu là vốn của MNCs; hoạt động của các công ty này có tác động quan trọng đối với những nước tiếp nhận vốn FDI. Do đó việc thu hút các MNCs được khuyến khích cả hai hướng: Thực hiện những dự án lớn, công nghệ cao hướng vào xuất khẩu; tạo điều kiện để một số MNCs xây dựng các Trung tâm nghiên cứu, phát triển, vườn ươm công nghệ gắn với đào tạo nguồn nhân lực.



TỔNG QUAN VỀ FDI

FDI chia làm 4 nhóm:

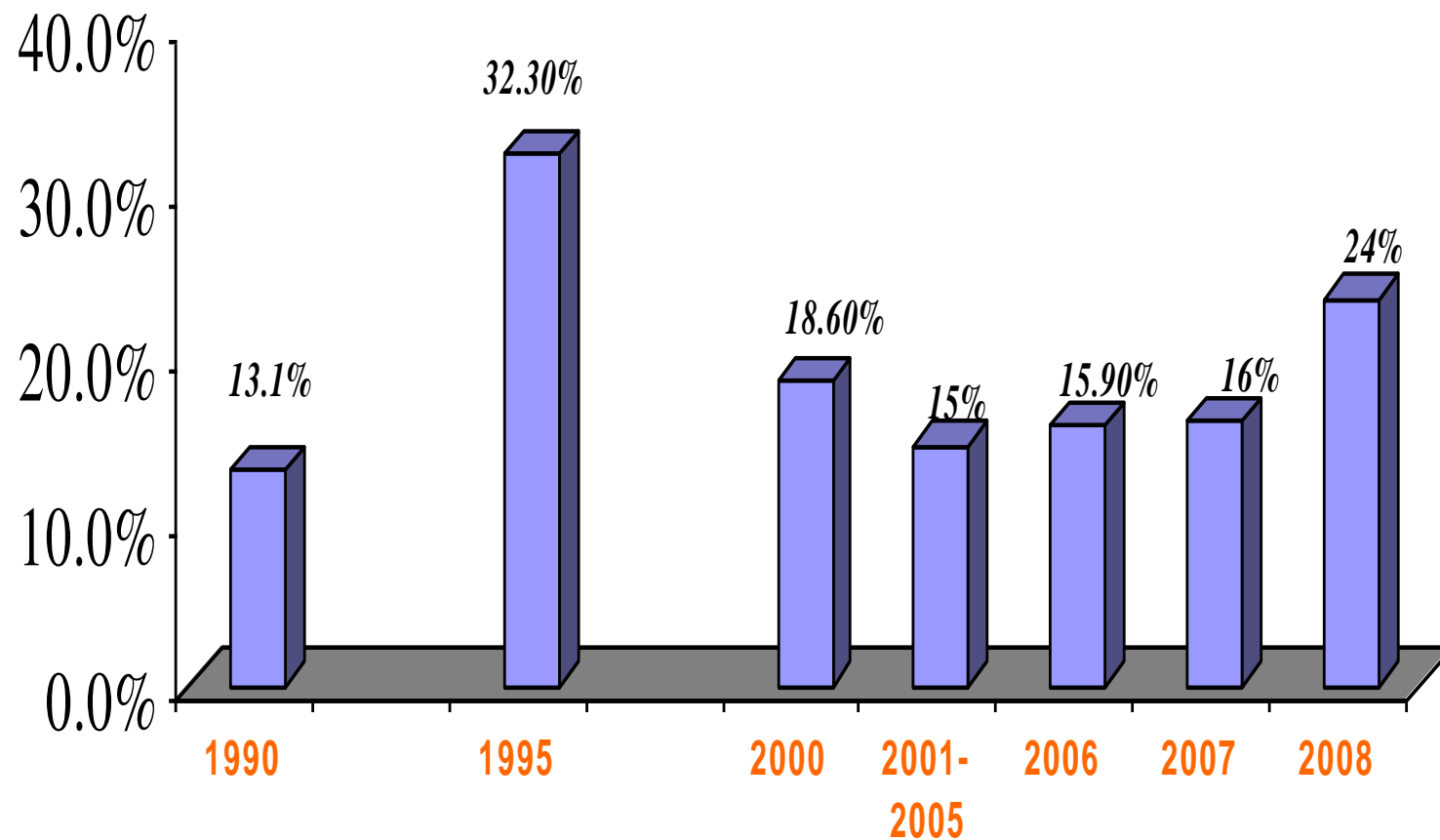
1. **Đầu tư mới - *Greenfield Investment*** : nhằm xây dựng nhà máy mới hoặc mở rộng nhà máy/dây chuyền hiện có.
2. **Mua lại và sáp nhập - *Merger & Acquisition*** : Công ty đầu tư mua luôn tài sản của doanh nghiệp nước ngoài.
3. **Đầu tư theo chiều ngang - *Horizontal FDI***: Đầu tư trong cùng ngành công nghiệp
4. **Đầu tư theo chiều dọc - *Vertical FDI***: Đầu tư vào các công ty chuyên cung cấp đầu vào sản xuất, hoặc chuyên bán đầu ra cho sản phẩm

CÔNG LAO CỦA FDI

- Vốn đầu tư FDI chiếm tỉ trọng từ 16,2%-29,9% vốn đầu tư xã hội, đóng góp khoảng từ 16%-24,2% GDP.
- FDI chiếm khoảng 45% kim ngạch XNK, tạo ra việc làm cho khoảng 1,42 triệu lao động trực tiếp.
- Tính đến T10/2009 đã có 89 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào VN, với 10.805 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng **174,715** **tỉ USD**



TI TRONG FDI TRONG TONG VON DAU TU XA HOI



FDI PHÂN THEO LĨNH VỰC VÀ QUỐC GIA ĐẦU TƯ

Lĩnh vực	Số dự án	Tỷ lệ	Vốn đăng ký (triệu USD)
Công nghiệp và xây dựng	7.305	67,61%	102.812
Nông, lâm, ngư nghiệp	479	4,43%	3.001
Dịch vụ	3.021	27,96%	68.902
Tổng	10.805	100%	174.715

Đài Loan	2010	21,289	British Virgin Islands	452	13,201
Hàn Quốc	2283	20,465	Hoa Kỳ	479	12,804
Malaysia	337	18,062	Hồng Kông	564	7,770
Nhật Bản	1154	17,688	Cayman Islands	44	6,630
Singapore	758	16,922	Thái Lan	215	5,744

NGUỒN: CỤC ĐẦU TƯ NN – BỘ KH&ĐT, 22/10/2009

5 ĐỊA PHƯƠNG NHẬN VỐN FDI CAO NHẤT

TT	Địa phương	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)	Tỉ lệ
1	TP Hồ Chí Minh	3092	27,142,619,958	15.5%
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	210	23,555,317,748	13.5%
3	Hà Nội	1600	19,414,296,040	11.1%
4	Đồng Nai	1021	16,250,948,459	9.3%
5	Bình Dương	1931	13,341,376,076	7.6%

Nguồn: Cục đầu tư NN – Bộ KH&ĐT, ngày 22/10/2009

LỢI ÍCH CỦA FDI

- Bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế; đóng góp đáng kể vào NSNN.
- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp (*tác động lan tỏa*), thúc đẩy chuyển giao công nghệ.
- Góp phần quan trọng trong việc tạo việc làm, tăng năng suất lao động, cải thiện nguồn nhân lực.
- Giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng vào đời sống kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới



HẠN CHẾ CỦA FDI

Sự mất cân đối về ngành nghề, vùng lãnh thổ

- Những dự án, lĩnh vực cho dân sinh, lợi nhuận thấp thì không thu hút được đầu tư nước ngoài
- Những vùng có trình độ kém phát triển thì có ít dự án ĐTNN, tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn thấp.
- Các ngành, lĩnh vực có khả năng sinh lời thấp, rủi ro cao không được sự quan tâm của các nhà ĐTNN.

Tranh chấp lao động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chưa được giải quyết kịp thời.

Sự yếu kém trong chuyển giao công nghệ rác, lỗi thời, gây ô nhiễm môi trường, khai thác kiệt quệ tài nguyên thiên nhiên



- “Không chỉ có Vedan, thống kê hiện nay trong số hơn 100 khu công nghiệp ở Việt Nam có đến 80% đang vi phạm các quy định về môi trường. Bộ TN&MT đã đang và sẽ tổ chức nhiều đoàn thanh tra đi khắp các địa phương, lập danh sách đen các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng, có khả năng bị đóng cửa, trong đó sẽ đặc biệt chú ý đến các điểm nóng về môi trường hiện nay như sông Thị Vải, Khánh Hoà, lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy....” - Thứ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà

Bấm nút HỨA là có ghi âm,
nút THỂ có ghi cả hình!



- Việt Nam phải từ chối những dự án FDI gây ô nhiễm môi trường nặng, cần loại bỏ những dự án chỉ muốn khai thác tài nguyên thiên nhiên vì không gì tai hại và thiệt thòi cho nền kinh tế và cả cho các thế hệ mai sau bằng việc xúc tài nguyên đi bán thô với giá rẻ.
- Việt Nam cần thận trọng khi cấp giấy phép cho những dự án gây ô nhiễm môi trường như sân golf, các nhà máy đóng tàu, nhà máy giấy, xi măng, thép, v.v....., sử dụng công nghệ lạc hậu.
- Đặc biệt, là thành viên của WTO, các doanh nghiệp Việt Nam cần tuân thủ các quy tắc kinh doanh có trách nhiệm với xã hội, tương tự như các doanh nghiệp trên thế giới.

RÀO CẢN FDI

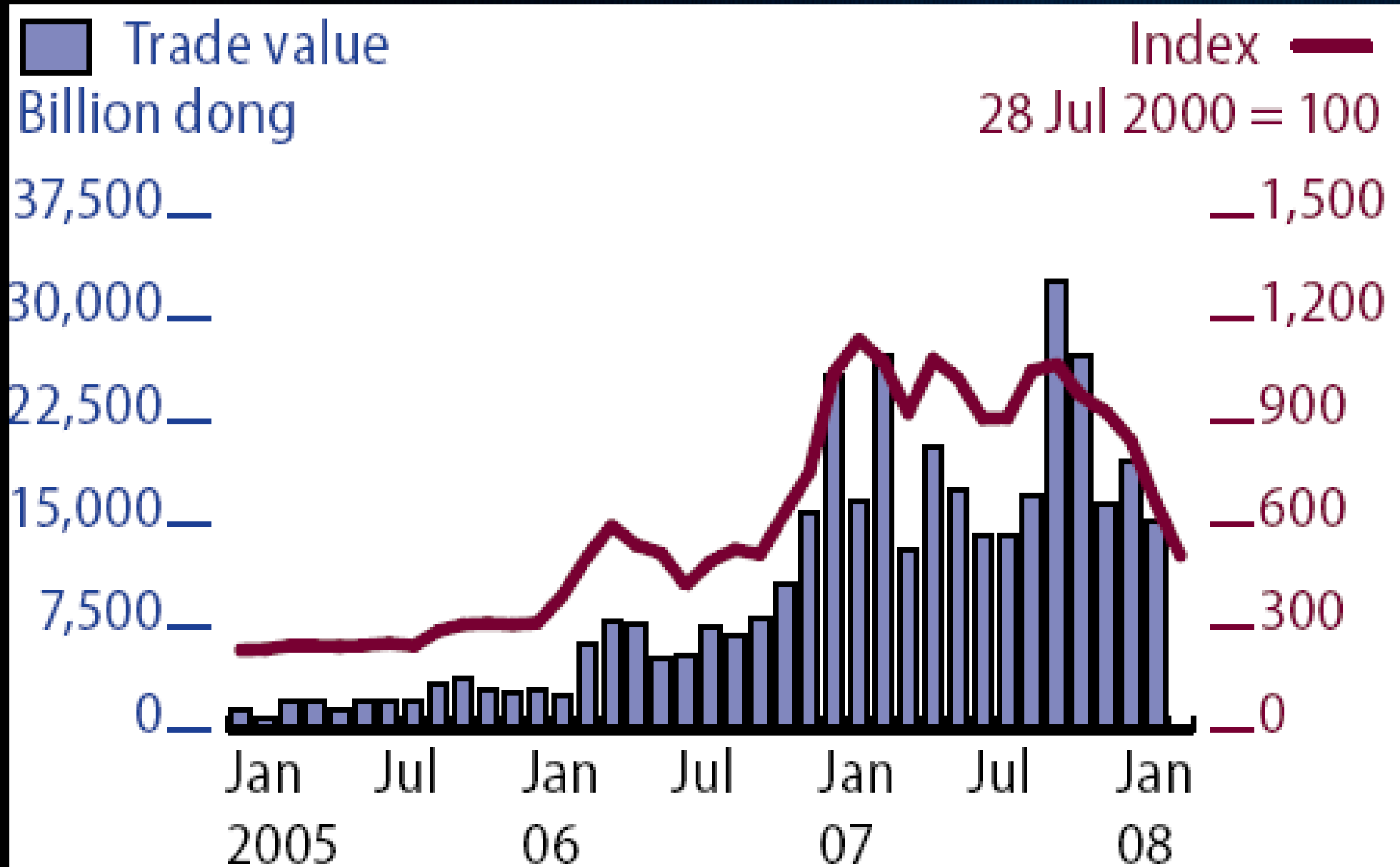
- **Thứ nhất**, hệ thống luật pháp, chính sách về đầu tư, kinh doanh chưa hoàn thiện.
- **Thứ hai**, công tác quy hoạch lãnh thổ, ngành nghề, lĩnh vực, sản phẩm còn yếu và thiếu.
- **Thứ ba**, sự yếu kém của hệ thống cơ sở hạ tầng
- **Thứ tư**, tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực đã qua đào tạo, đặc biệt là công nhân kỹ thuật và kỹ sư ngày càng rõ rệt

- **Thứ năm**, công tác giải phòng mặt bằng là mặt hạn chế chậm được khắc phục của môi trường đầu tư của ta
- **Thứ sáu**, chủ trương phân cấp trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đầu tư nước ngoài
- **Thứ bảy**, việc xử lý chất thải của các dự án đầu tư nước ngoài
- **Cuối cùng**, công tác xúc tiến đầu tư trong thời gian qua còn nhiều bất cập, thiếu tính chuyên nghiệp

DÒNG VỐN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP FII (Foreign Indirect Investment)

- Đầu tư gián tiếp (FII) là hình thức đầu tư thông qua việc mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác hoặc thông qua các định chế tài chính trung gian như **quỹ đầu tư** tham gia đầu tư vào các công ty cổ phần đã hoặc chưa niêm yết hoặc các doanh nghiệp nhà nước đang cổ phần hóa
- Khác với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), những nhà đầu tư gián tiếp chỉ đóng góp vốn vào các công ty cổ phần thông qua thị trường chứng khoán, *mà không trực tiếp tham gia quản lý điều hành các công ty đó.*

Các dòng vốn chảy vào Việt Nam – dòng vốn gián tiếp



LỢI ÍCH CỦA FII

- Giảm bớt áp lực vốn trong quá trình mở rộng sản xuất kinh doanh, giảm chi phí vay vốn giúp đầu tư sẽ tiếp tục tăng, doanh nghiệp ngày càng phát triển.
- Sự hỗ trợ tư vấn của các công ty quản lý quỹ trong việc điều hành doanh nghiệp, giúp công ty củng cố mặt quản trị doanh nghiệp vốn vẫn còn rất non yếu ở Việt Nam.
- Khi một quốc gia mở cửa đối với nguồn vốn đầu tư gián tiếp này, thì đầu tư trong nước không cần phải dựa hoàn toàn vào nguồn tiết kiệm trong nước. Thay vào đó, có thể tăng thu nhập và tiêu dùng trong nước.

LỢI ÍCH CỦA FII

- Việc tham gia của các nhà đầu tư FII sẽ có tác động mạnh mẽ đến thị trường tài chính, giúp cho thị trường tài chính minh bạch và hoạt động hiệu quả hơn,
- Thúc đẩy sự phát triển của hệ thống tài chính nội địa.
- Thúc đẩy cải cách thể chế và nâng cao kỹ luật đối với các chính sách của chính phủ



“Tác dụng phụ”

- FII tăng mạnh nền kinh tế dễ rơi vào tình trạng phát triển quá nóng (*bong bóng*)
- Khi dòng vốn FII vào ồ ạt với quy mô lớn sẽ gây mất cân bằng về mặt vĩ mô, hoặc nhà đầu tư có thể rút vốn quy mô lớn và đột ngột gây ra sự khủng hoảng và sụp đổ của thị trường tài chính trong nước khi gặp phải các cú sốc từ bên trong cũng như bên ngoài nền kinh tế (*Nhật Bản 1992, Thái Lan 1997*)
- FII làm giảm tính độc lập của chính sách tiền tệ và chính sách tỷ giá

THU HÚT FII

“Việt Nam cần tăng quy mô của thị trường tài chính thông qua việc phát triển thị trường chứng khoán và gắn cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước với việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, Việt Nam cần xây dựng một thị trường lành mạnh và minh bạch, đồng thời hoàn thiện hệ thống pháp luật”, Dominic Scriven - Giám đốc Quỹ Dragon Capital

- **Hỗ trợ phát triển chính thức** (hay ODA, viết tắt của cụm từ *Official Development Assistance*), là một hình thức đầu tư nước ngoài.
- Gọi là **Hỗ trợ** bởi vì các khoản đầu tư này thường là các khoản cho vay không lãi suất hoặc lãi suất thấp với thời gian vay dài. Đôi khi còn gọi là viện trợ. Gọi là **Phát triển** vì mục tiêu danh nghĩa của các khoản đầu tư này là phát triển kinh tế và nâng cao phúc lợi ở nước được đầu tư. Gọi là **Chính thức** vì nó thường là cho Chính phủ các nước vay.



ODA (Official Development Assistance)

Năm 1980, các nước công nghiệp phát triển đã cam kết dành 0,7% GDP cho mục đích cung cấp ODA. Tuy nhiên, chỉ rất ít nước thực hiện đúng chỉ tiêu này

Nguồn ODA được phân phối tới 130 nước đang phát triển. Khoảng 40% được dành cho các nước Châu Phi, 22% cho Châu Á và cũng từng ấy cho Mỹ Lattinh, 6,6% cho châu Âu và 6% cho Tây Á.

Ở nhiều nước, số tiền khổng lồ bị sử dụng sai mục đích. Ngược lại, cho đến nay, có nhiều nước đã thành công trong việc nhận ODA để phát triển như Nam Phi, Chi Lê, Ấn Độ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan



ODA...sét đánh giữa trời xanh (trang Quốc tế, Bộ Ngoại Giao)

ODA có hai dạng: dạng grant- cho luôn, không hoàn lại, dạng thứ hai là lending- cho vay với lãi suất cực kỳ thấp (0.75%/năm) và thời gian hoàn trả cực kỳ dài: 20 -40 năm.

ODA là của các chính phủ/ tổ chức cho chính phủ. Nếu là của chính phủ cho chính phủ, người ta gọi là viện trợ song phương, nếu là tổ chức (Ngân hàng thế giới, ngân hàng phát triển châu á, EU) thì là viện trợ đa phương.

ODA được phân bổ theo dự án. Chính phủ nhận viện trợ lên danh sách các lĩnh vực kêu gọi vốn viện trợ phát triển, hàng năm chính phủ họp với nhà tài trợ (hội nghị tư vấn các nhà tài trợ) để kêu gọi tài trợ, các nhà tài trợ sẽ xác định lĩnh vực cần viện trợ, xây dựng dự án và tài trợ theo dự án.

ƯU ĐIỂM CỦA ODA

- Lãi suất thấp (dưới 2%, trung bình từ 0.25% /năm)
- Thời gian cho vay cũng như thời gian ân hạn dài (25-40 năm mới phải hoàn trả và thời gian ân hạn 8-10 năm)
- Trong nguồn vốn ODA luôn có một phần viện trợ không hoàn lại, ít nhất là 25% của tổng số vốn ODA.
- *Nhưng hãy nhớ ODA vẫn là vốn vay chứ không phải là thứ cho không biếu khộng, mang tâm lý sử dụng bừa sẽ gia tăng nợ nần của quốc gia*



ODA liệu có tốt ?

- Các nước giàu khi viện trợ ODA đều gắn với những lợi ích và chiến lược như mở rộng thị trường, mở rộng hợp tác có lợi cho họ, đảm bảo mục tiêu về an ninh - quốc phòng hoặc theo đuổi mục tiêu chính trị...
- Về kinh tế, nước tiếp nhận ODA phải chấp nhận dỡ bỏ dần hàng rào thuế quan bảo hộ các ngành công nghiệp non trẻ và bảng thuế xuất nhập khẩu hàng hoá của nước tài trợ. Nước tiếp nhận ODA cũng được yêu cầu từng bước mở cửa thị trường bảo hộ cho những danh mục hàng hoá mới của nước tài trợ; yêu cầu có những ưu đãi đối với các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài như cho phép họ đầu tư vào những lĩnh vực hạn chế, có khả năng sinh lời cao

- Nguồn vốn ODA từ các nước giàu cung cấp cho các nước nghèo cũng thường gắn với việc mua các sản phẩm từ các nước này mà không hoàn toàn phù hợp, thậm chí là không cần thiết đối với các nước nghèo. Ví như các dự án ODA trong lĩnh vực đào tạo, lập dự án và tư vấn kỹ thuật, phần trả cho các chuyên gia nước ngoài thường chiếm đến hơn 90% (bên nước tài trợ ODA thường yêu cầu trả lương cho các chuyên gia, cố vấn dự án của họ quá cao so với chi phí thực tế cần thuê chuyên gia như vậy trên thị trường lao động thế giới).



- Nguồn vốn viện trợ ODA còn được gắn với các điều khoản mậu dịch đặc biệt nhập khẩu tối đa các sản phẩm của họ.
- Nước tiếp nhận ODA tuy có toàn quyền quản lý sử dụng ODA nhưng thông thường, các danh mục dự án ODA cũng phải có sự thoả thuận, đồng ý của nước viện trợ,
- Tác động của yếu tố tỷ giá hối đoái có thể làm cho giá trị vốn ODA phải hoàn lại tăng lên.
- Tình trạng thất thoát, lãng phí; xây dựng chiến lược, quy hoạch thu hút và sử dụng vốn ODA vào các lĩnh vực chưa hợp lý; trình độ quản lý thấp, thiếu kinh nghiệm trong quá trình tiếp nhận cũng như xử lý, điều hành dự án... khiến cho hiệu quả và chất lượng các công trình đầu tư bằng nguồn vốn này còn thấp... có thể đẩy nước tiếp nhận ODA vào tình trạng nợ nần.

ODA, tham nhũng và lòng tin

- Điều làm các nhà tài trợ ODA quan ngại là tình trạng tham nhũng trong các dự án mà họ tài trợ, từ vụ PMU 18 đến vụ mới đây PCI. Nếu chính phủ không ngăn chặn được quốc nạn này thì không chóng thì chầy tất cả các dự án ODA sẽ bị cắt và đồng hành với việc cắt ODA là uy tín của Việt Nam sẽ giảm sút trên trường quốc tế.



HIỆU QUẢ ???

- Hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế rất thấp và xu hướng suy giảm làm cho năng lực của nền kinh tế thấp kém.
- Chỉ số ICOR (hệ số giá trị sản phẩm gia tăng - nó thể hiện để thu được 1 đồng lợi nhuận thì phải bỏ bao nhiêu đồng vốn) của cả nền kinh tế tăng nhanh, đặc biệt là khu vực kinh tế nhà nước.
- Ở Việt Nam, ICOR tăng nhanh cảnh báo một vấn đề: thiếu vốn, trình độ phát triển thấp, nhưng hiệu quả sử dụng vốn lại giảm nhanh và điều này chứng tỏ chất lượng đầu tư và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế đang gặp nguy cơ khá nghiêm trọng.
- Năm 1995, ICOR của Việt Nam là 3,39 thì năm hiện nay đã lên tới gần 6, trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng từ 3,6 lên 7,28. Đây là một thực tế đáng lo ngại, vì khu vực kinh tế chủ đạo lại có chất lượng thấp.

Các yếu tố tác động đến tài khoản vốn

1. Các biện pháp kiểm soát vốn của chính phủ
2. Dân số
3. Tỷ giá hối đoái





Các yếu tố tác động đến tài khoản vốn

Các biện pháp kiểm soát vốn của chính phủ

... Sự tăng vọt phi thường của các luồng tài chính toàn cầu là đặc trưng nổi bật nhất của tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn cuối của thế kỷ XX. Sự gia tăng luồng tài chính đã đi liền với gia tăng tính bất ổn của nền kinh tế. Kết quả là dẫn đến hàng loạt các cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra ở châu Á, Nga, châu Mỹ la tinh. Do đó nổi lên yêu cầu là chính phủ các nước cần thiết phải kiểm soát các dòng vốn quốc tế vào và ra khỏi quốc gia mình...

(TS.Nguyễn Thị Ngọc Trang, “Kiểm soát dòng vốn quốc tế trong lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, 2006)



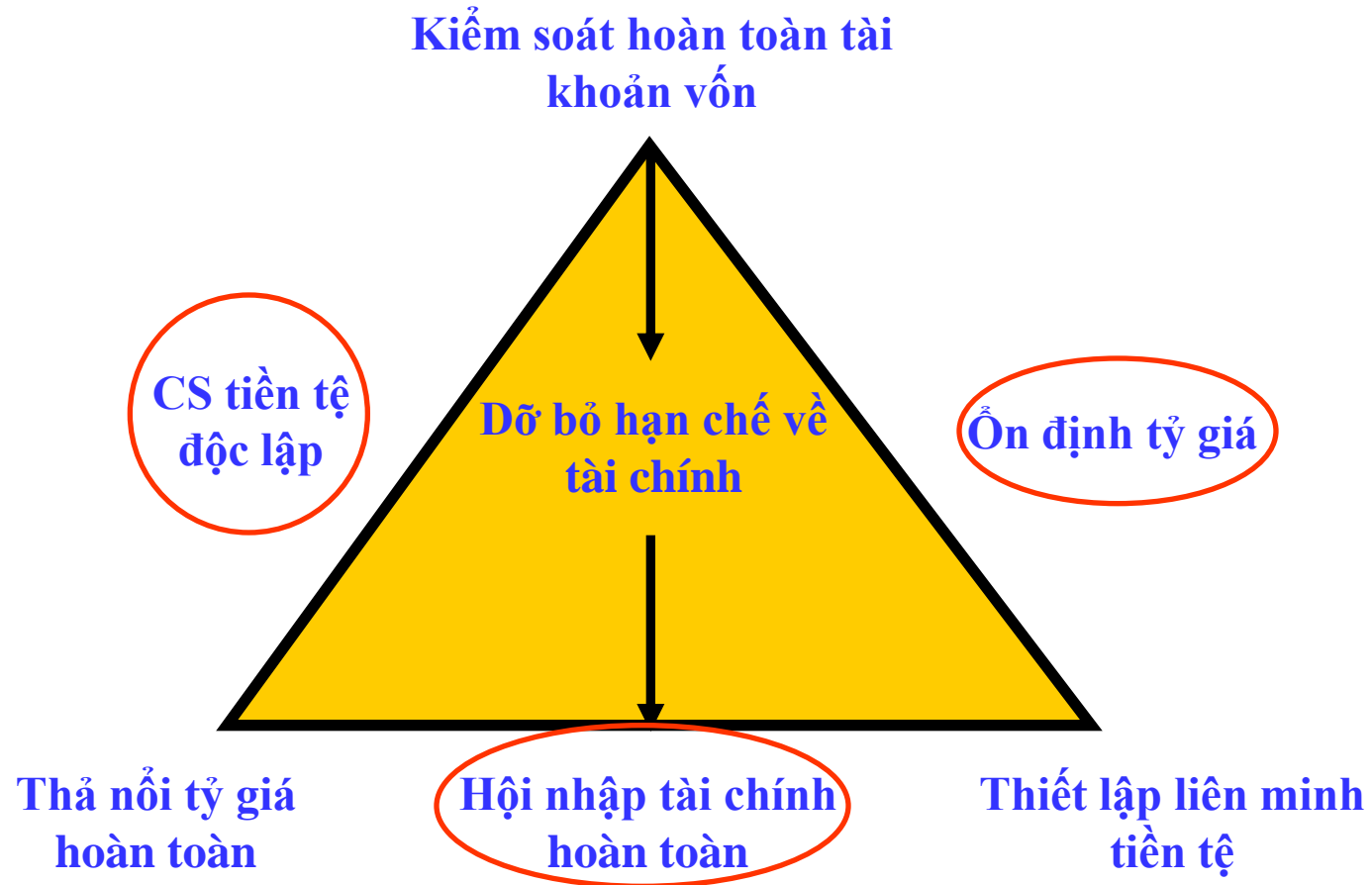
Các biện pháp kiểm soát vốn của chính phủ

Tranh luận về các mục tiêu kiểm soát vốn:

1. Thông qua việc hạn chế thâm hụt cán cân tài khoản vốn để cải thiện phúc lợi kinh tế
2. Điều hòa những mục tiêu chính sách
3. Bảo vệ sự ổn định về tài chính và tiền tệ

Các biện pháp kiểm soát vốn của chính phủ

Mục tiêu kiểm soát vốn và lý thuyết “Bộ 3 bất khả thi”





- *“Bạn không thể có đồng thời tất cả: một quốc gia chỉ có thể chọn tối đa 2 trong 3. Nó có thể chọn một chính sách ổn định tỷ giá nhưng phải hy sinh tự do hóa dòng vốn tức là tiếp tục kiểm soát vốn (giống như Trung Quốc ngày nay), nó có thể chọn một chính sách tự do hóa dòng vốn nhưng vẫn tự chủ về tiền tệ, song phải để tỷ giá thả nổi (giống như Anh hoặc Canada), hoặc nó có thể chọn kiểm soát vốn và ổn định chính sách tiền tệ, nhưng phải thả nổi lãi suất để chống lạm phát hoặc suy thoái (giống như Argentina hoặc hầu hết Châu Âu)”-- trích lời đề tặng Robert Mundell - Paul Krugman, 1999.*



KIỂM SOÁT VỐN

- ***Kiểm soát vốn*** là thực hiện các biện pháp can thiệp của chính phủ dưới nhiều hình thức khác nhau, để tác động (hạn chế) lên dòng vốn nước ngoài chảy vào và chảy ra khỏi một quốc gia để nhằm đạt mục tiêu nhất định của chính phủ.



Các biện pháp kiểm soát vốn của chính phủ

Các phương thức kiểm soát vốn:

- ➡ **Kiểm soát vốn trực tiếp:** là việc hạn chế những giao dịch vốn, những khoản thanh toán liên quan đến giao dịch vốn và việc chuyển giao ngân quỹ bằng những ngăn cấm triệt để, những hạn chế mang tính chất số lượng. Thông thường, loại kiểm soát này áp đặt những nghĩa vụ hành chính lên hệ thống ngân hàng để kiểm tra dòng vốn .



Các biện pháp kiểm soát vốn của chính phủ

• **→ Kiểm soát vốn gián tiếp** (Còn gọi là kiểm soát vốn dựa trên cơ sở thị trường): là việc hạn chế những biến động của dòng vốn và những giao dịch khác thông qua các biện pháp thị trường, chủ yếu là làm cho các giao dịch này phải tốn kém nhiều chi phí hơn, từ đó hạn chế những giao dịch này. Việc kiểm soát vốn có thể xảy ra dưới các hình thức khác nhau như hệ thống đa tỷ giá, đánh thuế ngầm hoặc công khai lên dòng vốn quốc tế, nhưng chủ yếu là đánh thuế vào các dòng vốn ngắn hạn và khuyến khích các dòng vốn dài hạn.

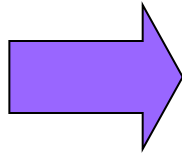
Hiệu quả và các giá phải trả

- ➡ **Hiệu quả** của kiểm soát vốn được thể hiện trên tác động của chúng lên dòng vốn và lên những mục tiêu chính sách

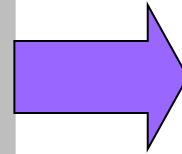
- ➡ **Cái giá phải trả bao gồm:**
 - Hạn chế những giao dịch trên tài khoản vãng lai và tài khoản vốn
 - Đòi hỏi chi phí hành chính cao
 - Làm chậm tiến trình hội nhập của một quốc gia
 - Làm tăng nhận thức xấu về thị trường



**Dân
số
trẻ**

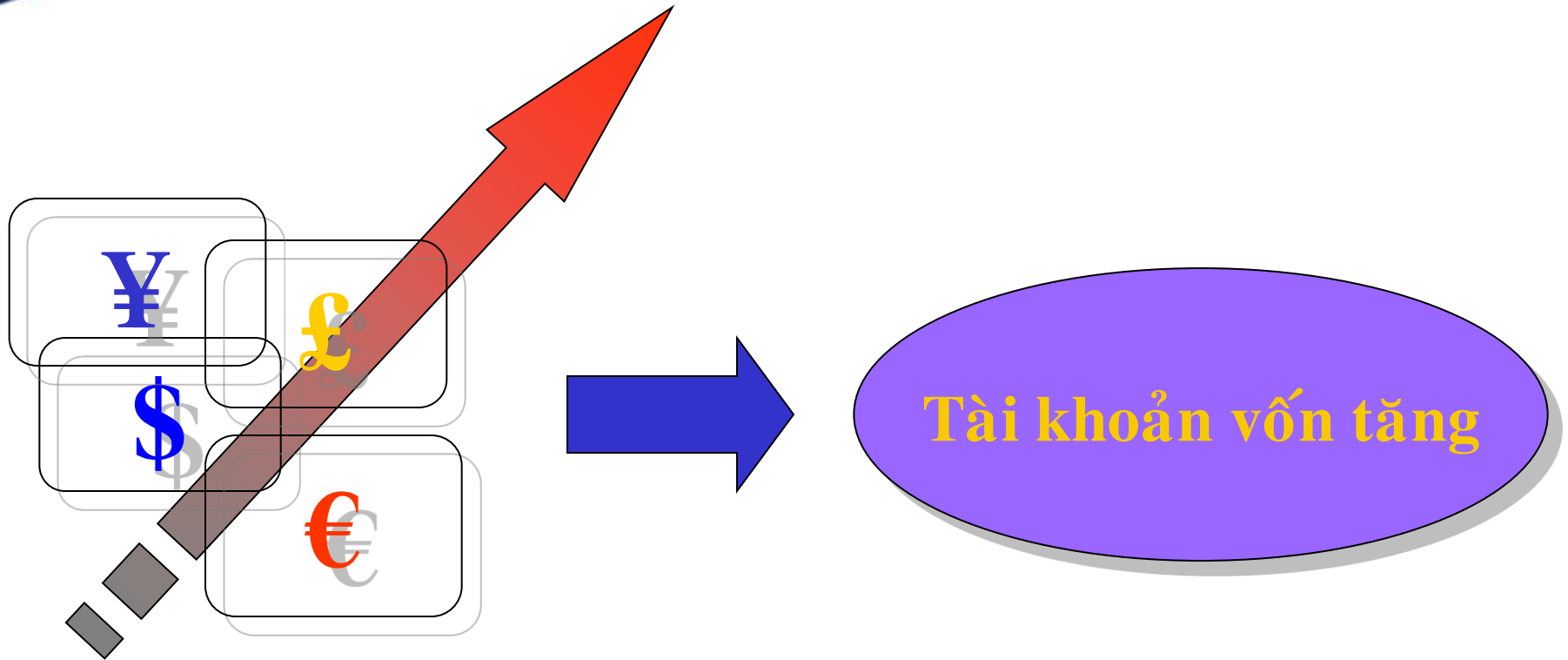


**Nhu cầu
vốn cao**



Tài khoản vốn tăng

Tỷ giá hối đoái



Các tổ chức giám sát chu chuyển vốn quốc tế



- Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)
- Ngân hàng thế giới (WB)
- Tổ chức thương mại thế giới (WTO)
- Công ty tài chính quốc tế (IFC)
- Hiệp hội Phát triển quốc tế (IDA)
- Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS)
- Các Cơ quan phát triển khu vực
- Khu vực mậu dịch tự do ASEAN